



**T H E T E N**

A NEW DAWN OF LIVING



## THÔNG TIN DỰ ÁN

### / PROJECT INFORMATION

- **TỔNG SỐ CĂN:** 300 căn  
Total Units: 300 units
- **SỐ TẦNG:** 10 tầng  
Number of Floors: 10 floors
- **SỐ TOÀ:** 2 toà  
Number of Towers: 2 towers
- **DIỆN TÍCH CĂN:** 44,1 – 489,9 m<sup>2</sup>  
Apartment Area: 44.1 – 489.9 m<sup>2</sup>
- **TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT:** 13.654 m<sup>2</sup>  
Land Area: 13,654 m<sup>2</sup>
- **KHU VỰC THƯƠNG MẠI:** Tầng 1, 2  
Shophouse Area: 1<sup>st</sup>, 2<sup>nd</sup> floor
- **TẦNG ĐỖ XE:** Tầng 1, 2  
Parking Floor: 1<sup>st</sup>, 2<sup>nd</sup> floor
- **LOẠI CĂN HỘ:** Studio, từ 1PN đến 4PN, Duplex, Townhouse, Penthouse, Shophouse  
Type of Unit: Studio, from 1BR to 4BR, Duplex, Townhouse, Penthouse, Shophouse

## ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC / STRATEGIC PARTNERS



**CHỦ ĐẦU TƯ**  
Developer



**BECAMEX TOKYU**



**TỔNG THẦU XÂY DỰNG**  
Main contractor



**TƯ VẤN THIẾT KẾ CONCEPT**  
Concept design consultant



**TƯ VẤN THIẾT KẾ**  
Design consultant



**TƯ VẤN GIÁM SÁT**  
Construction management consultant



**TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC**  
Structure design consultant



**TƯ VẤN KHỐI LƯỢNG**  
QS Consultant

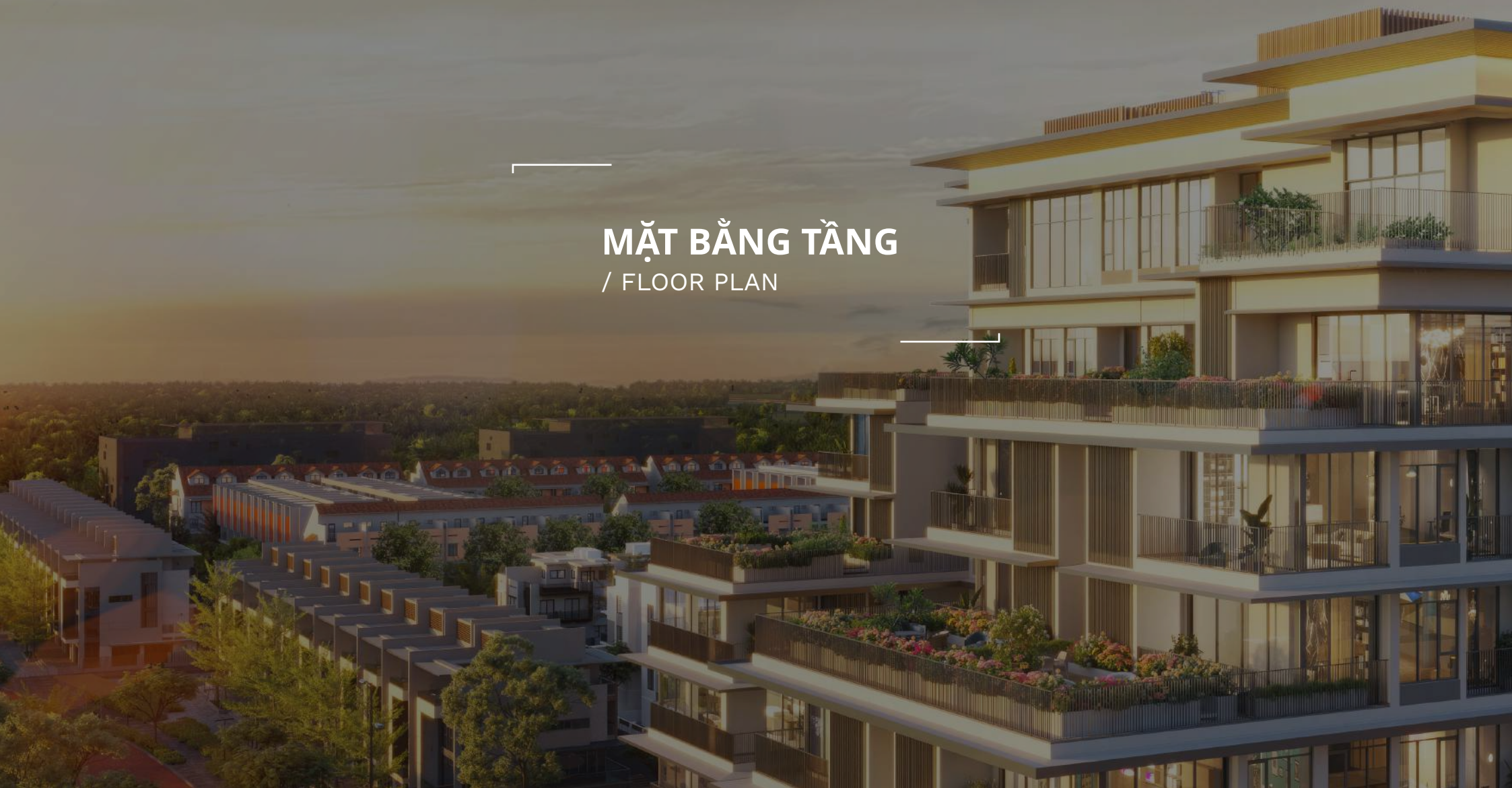






# MẶT BẰNG TẦNG

/ FLOOR PLAN





Mặt bằng tầng  
/ Floor Plan

1

**KHU VỰC CHUNG**  
/ Common area

- 1A** SÂN A - KHÔNG GIAN LÀM VIỆC  
/ Lobby A - Co.Working space
- 1B** SÂN B - KHÔNG GIAN LÀM VIỆC  
/ Lobby B - Co.Working space

**BK** LÀN XE ĐẠP  
/ Bike Lane**WK** LỐI ĐI BỘ  
/ Walkway**AF** KHU THƯ GIÃN  
/ Alfresco Area**WH** NHÀ GIÓ  
/ Wind House**MG** CỔNG MẶT TRĂNG  
/ Moon Gate**KP** PHÒNG VUI CHƠI TRẺ EM  
/ Kid's Playroom**Y** PHÒNG YOGA  
/ Yoga**G** PHÒNG GYM  
/ Gym**CP** CÔNG VIÊN TRUNG TÂM  
/ Central Park**W** THÁC NƯỚC  
/ Waterfall**OP** HỒ TRÀN  
/ Overflow Pool**WP** SÂN CHƠI NƯỚC  
/ Water Playground**CR** PHÒNG CỘNG ĐỒNG  
/ Community Room**GP** QUẢNG TRƯỜNG TRUNG TÂM  
/ Gathering Plaza**P** BÃI ĐẠU XE  
/ Parking**SP** BÃI ĐẠU XE THƯƠNG MẠI  
/ Shophouse Parking**E** THANG THOÁT HIỂM  
/ Emergency Staircase**T** PHÒNG KỸ THUẬT  
/ Technical Room**KHU VỰC KHÁC**  
/ Other area**M** VĂN PHÒNG QUẢN LÝ  
/ Management Office**GB** PHÒNG RÁC  
/ Garbage**S** PHÒNG BẢO VỆ  
/ Security Booth



Mặt bằng tầng  
/ Floor Plan

2



Mặt bằng tầng  
/ Floor Plan

3

|       |                                                               |                            |                            |
|-------|---------------------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| B1    | TÊN TOÀ THÁP & SỐ THỨ TỰ CĂN HỘ<br>/ Tower name & Unit number | CĂN HỘ STUDIO<br>/ Studio  | 3 PHÒNG NGỦ<br>/ 3-bedroom |
| SH3   | LOẠI CĂN HỘ<br>/ Unit type                                    | 1 PHÒNG NGỦ<br>/ 1-bedroom |                            |
| 225.4 | DIỆN TÍCH CĂN HỘ<br>/ NET Salable area                        | 2 PHÒNG NGỦ<br>/ 2-bedroom |                            |



KHU VỰC CHUNG  
/ Common area

IP HỒ BƠI VÔ CỰC - 50M  
/ 50m - Infinity Pool

L KHU THƯ GIÃN NGOÀI TRỜI  
/ Outdoor Lounge

CF VƯỜN RAU CỘNG ĐỒNG  
/ Community Farm

FY SÂN THỂ THAO  
/ Fitness Yard

MD SÂN ĐA NĂNG  
/ Multi-purpose Deck

B VƯỜN NƯỚNG  
/ BBQ Garden

C KHU THƯ GIÃN  
/ Cabana

O ONSEN  
/ Onsen

G VƯỜN THƯỞNG NGỌN  
/ Contemplation Garden

SG VƯỜN THẢO MỘC  
/ Sensory Garden

AP HỒ BƠI VÔ CỰC - 22M  
/ 22m - Infinity Pool

KP HỒ BƠI TRẺ EM  
/ Kid's Pool

GB PHÒNG RÁC  
/ Garbage

E THANG THOÁT HIỂM  
/ Emergency Staircase

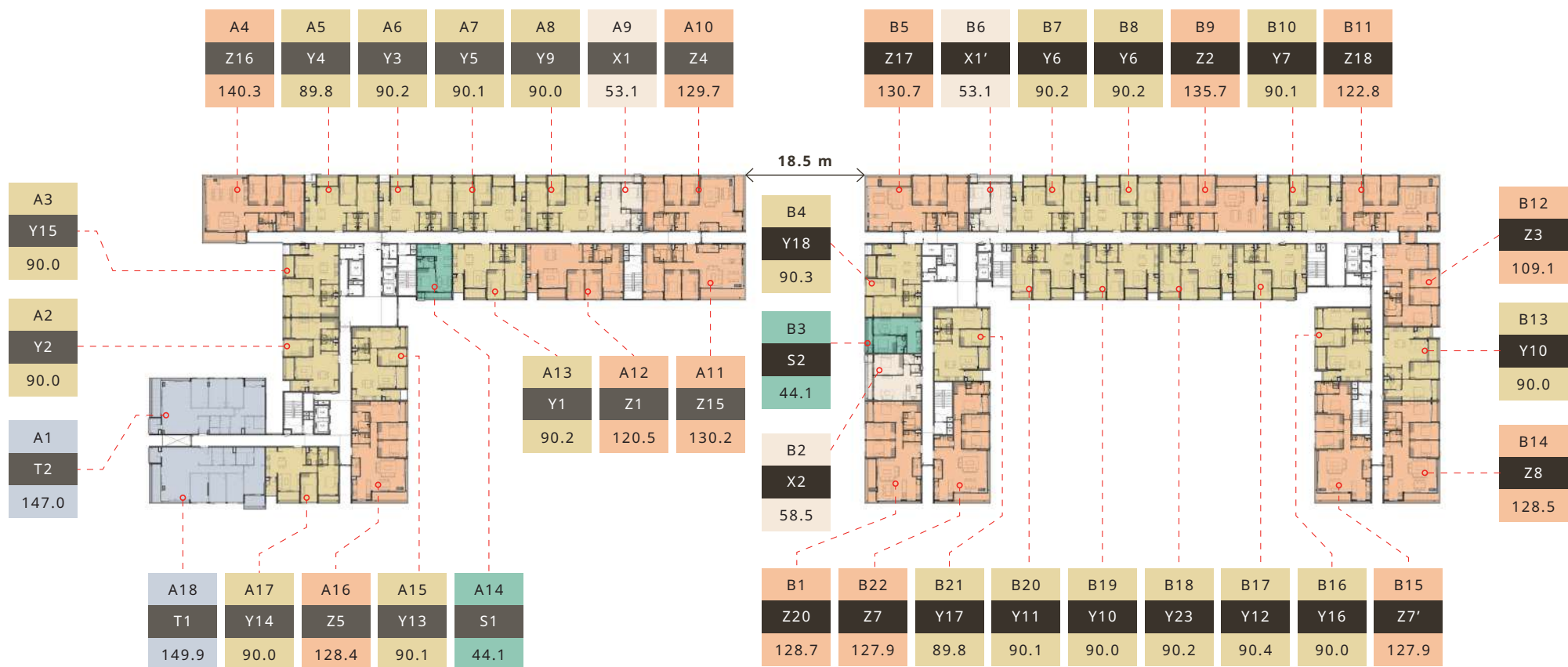
T THANG MÁY TOÀ NHÀ  
/ Building Elevator



Mặt bằng tầng  
/ Floor Plan

4

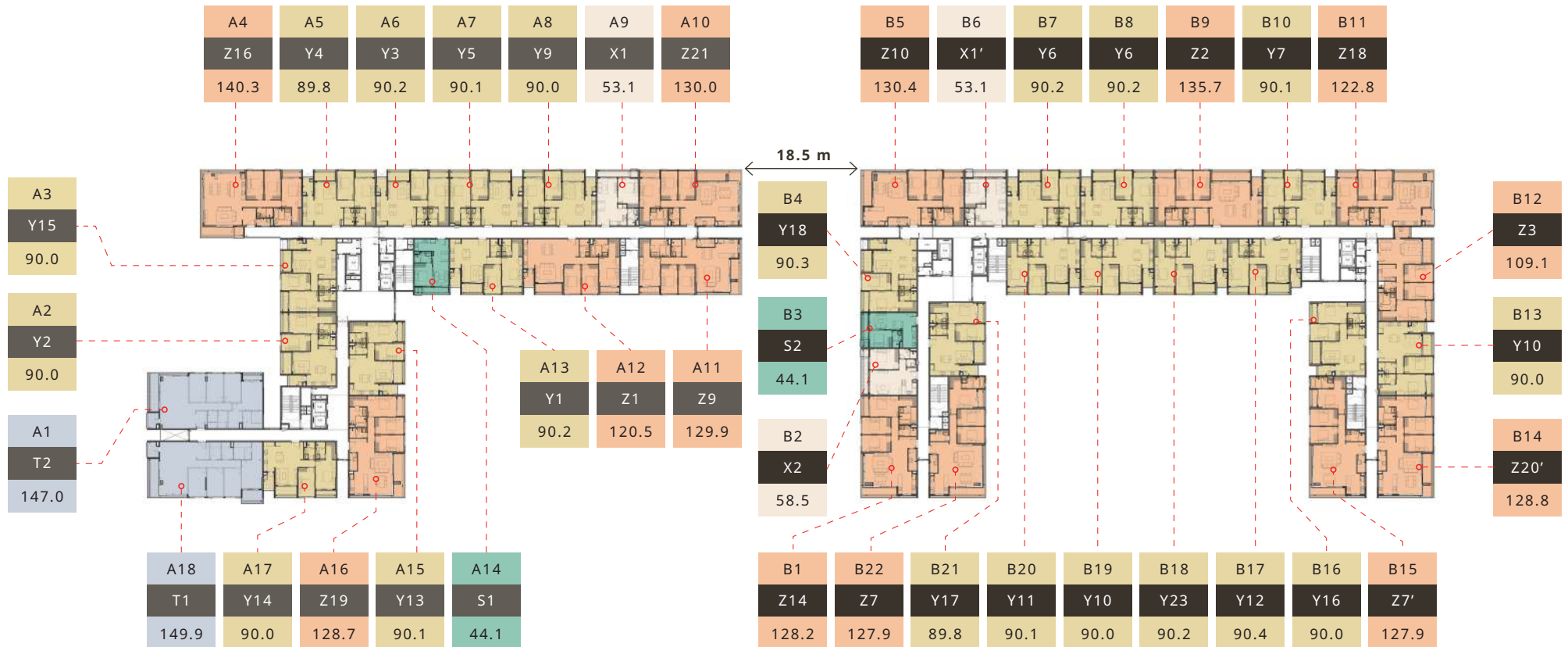
|       |                                                               |                            |                            |
|-------|---------------------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| B1    | TÊN TOÀ THÁP & SỐ THỨ TỰ CĂN HỘ<br>/ Tower name & Unit number | CĂN HỘ STUDIO<br>/ Studio  | 3 PHÒNG NGỦ<br>/ 3-bedroom |
| SH3   | LOẠI CĂN HỘ<br>/ Unit type                                    | 1 PHÒNG NGỦ<br>/ 1-bedroom | 4 PHÒNG NGỦ<br>/ 4-bedroom |
| 225.4 | DIỆN TÍCH CĂN HỘ<br>/ NET Salable area                        | 2 PHÒNG NGỦ<br>/ 2-bedroom |                            |



Mặt bằng tầng  
/ Floor Plan

5

|       |                                                               |                            |                            |
|-------|---------------------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| B1    | TÊN TOÀ THÁP & SỐ THỨ TỰ CĂN HỘ<br>/ Tower name & Unit number | CĂN HỘ STUDIO<br>/ Studio  | 3 PHÒNG NGỦ<br>/ 3 bedroom |
| SH3   | LOẠI CĂN HỘ<br>/ Unit type                                    | 1 PHÒNG NGỦ<br>/ 1 bedroom | 4 PHÒNG NGỦ<br>/ 4 bedroom |
| 225.4 | DIỆN TÍCH CĂN HỘ<br>/ NET Salable area                        | 2 PHÒNG NGỦ<br>/ 2 bedroom |                            |





Mặt bằng tầng  
/ Floor Plan

6

B1

TÊN TOÀ THÁP & SỐ THỨ TỰ CĂN HỘ  
/ Tower name & Unit number

SH3

LOẠI CĂN HỘ  
/ Unit type

225.4

DIỆN TÍCH CĂN HỘ  
/ NET Salable area

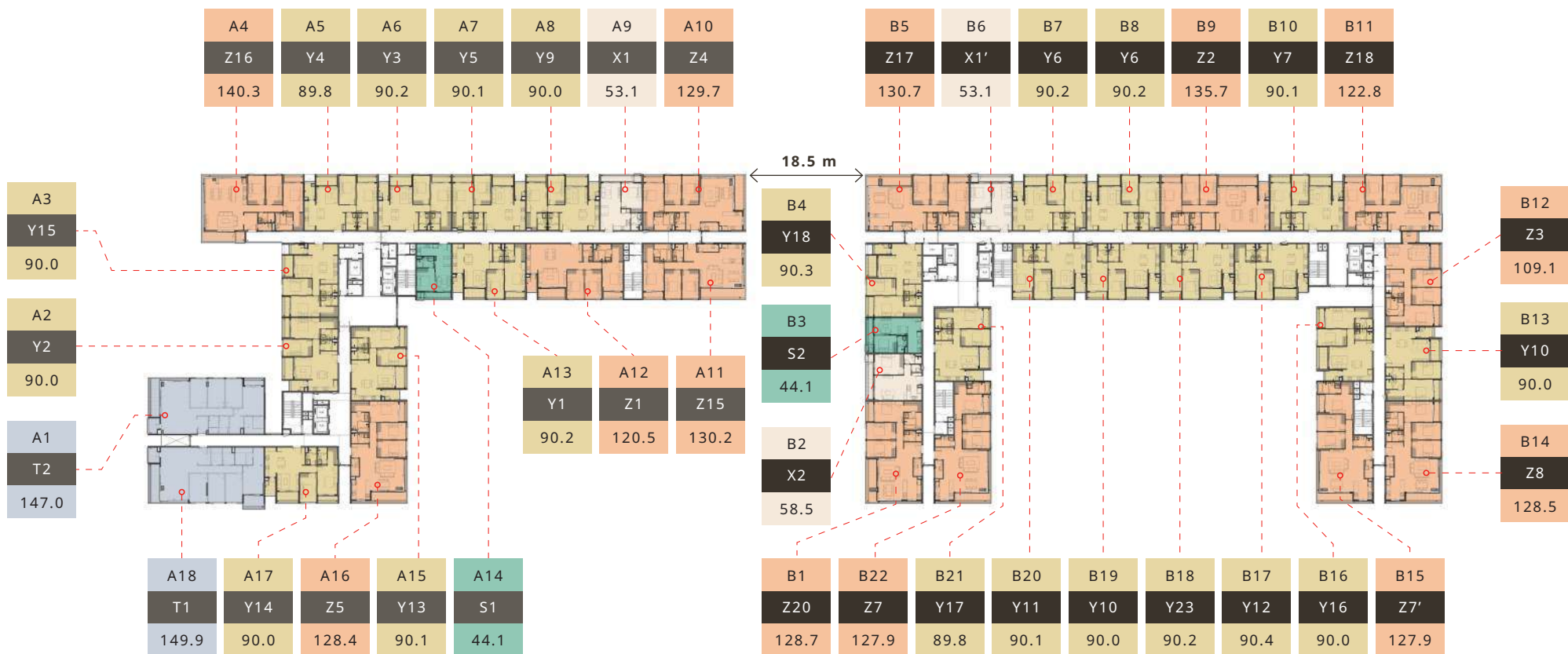
CĂN HỘ STUDIO  
/ Studio

1 PHÒNG NGỦ  
/ 1 bedroom

2 PHÒNG NGỦ  
/ 2 bedroom

3 PHÒNG NGỦ  
/ 3 bedroom

4 PHÒNG NGỦ  
/ 4 bedroom



7

|       |                                                                          |
|-------|--------------------------------------------------------------------------|
| B1    | <b>TÊN TOÀ THÁP &amp; SỐ THỨ TỰ CĂN HỘ</b><br>/ Tower name & Unit number |
| SH3   | <b>LOẠI CĂN HỘ</b><br>/ Unit type                                        |
| 225.4 | <b>DIỆN TÍCH CĂN HỘ</b><br>/ NET Salable area                            |

-  **CĂN HỘ STUDIO**  
/ Studio
-  **3 PHÒNG NGỦ**  
/ 3-bedroom
-  **1 PHÒNG NGỦ**  
/ 1-bedroom
-  **CĂN HỘ DUPLEX**  
/ Duplex
-  **2 PHÒNG NGỦ**  
/ 2-bedroom



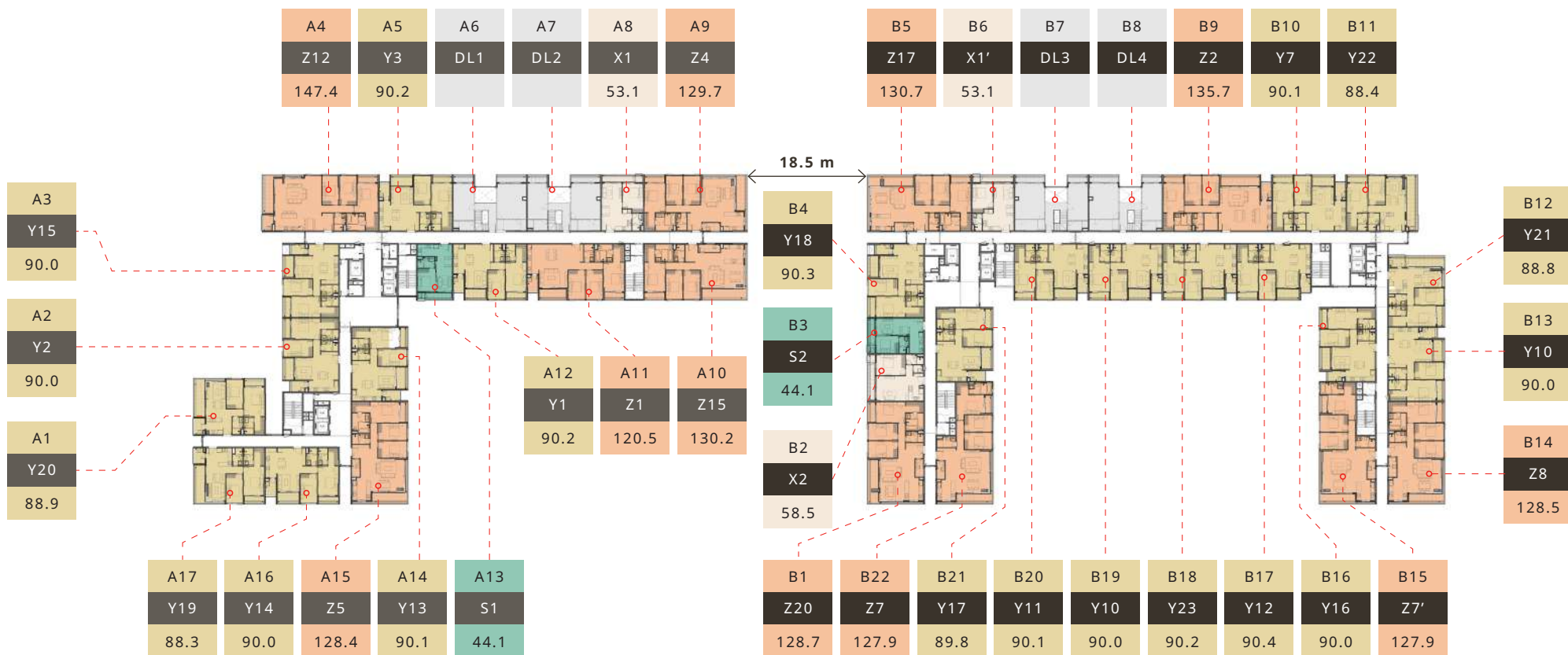


## / Floor Plan

8

|       |                                                                          |
|-------|--------------------------------------------------------------------------|
| B1    | <b>TÊN TOÀ THÁP &amp; SỐ THỨ TỰ CĂN HỘ</b><br>/ Tower name & Unit number |
| SH3   | <b>LOẠI CĂN HỘ</b><br>/ Unit type                                        |
| 225.4 | <b>DIỆN TÍCH CĂN HỘ</b><br>/ NET Salable area                            |

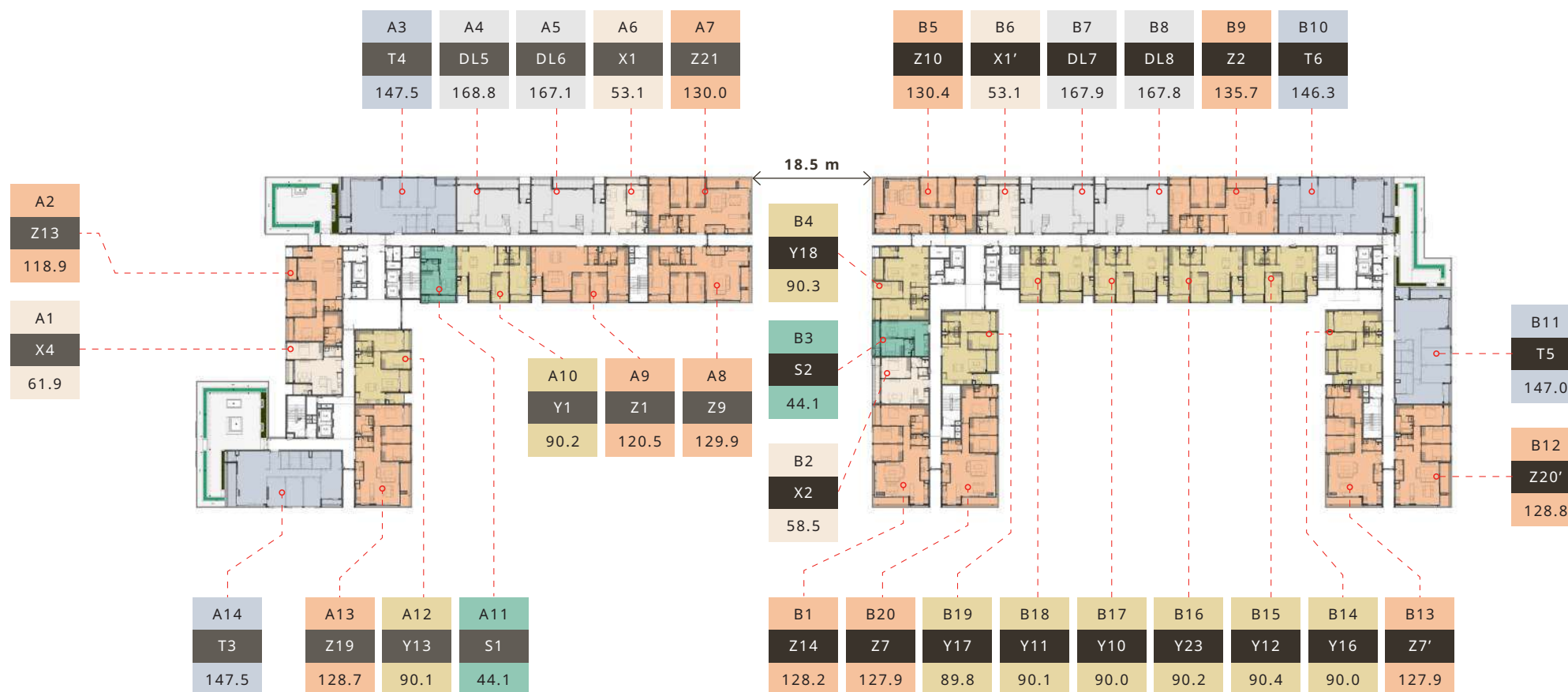
-  **CĂN HỘ STUDIO**  
/ Studio
-  **3 PHÒNG NGỦ**  
/ 3-bedroom
-  **1 PHÒNG NGỦ**  
/ 1-bedroom
-  **CĂN HỘ DUPLEX**  
/ Duplex
-  **2 PHÒNG NGỦ**  
/ 2-bedroom



Mặt bằng tầng  
/ Floor Plan

9

|       |                                                               |                            |                            |
|-------|---------------------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| B1    | TÊN TOÀ THÁP & SỐ THỨ TỰ CĂN HỘ<br>/ Tower name & Unit number | CĂN HỘ STUDIO<br>/ Studio  | 3 PHÒNG NGỦ<br>/ 3-bedroom |
| SH3   | LOẠI CĂN HỘ<br>/ Unit type                                    | 1 PHÒNG NGỦ<br>/ 1-bedroom | 4 PHÒNG NGỦ<br>/ 4-bedroom |
| 225.4 | DIỆN TÍCH CĂN HỘ<br>/ NET Salable area                        | 2 PHÒNG NGỦ<br>/ 2-bedroom | CĂN HỘ DUPLEX<br>/ Duplex  |



Mặt bằng tầng  
/ Floor Plan

10

|       |                                                               |                                 |
|-------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| B1    | TÊN TOÀ THÁP & SỐ THỨ TỰ CĂN HỘ<br>/ Tower name & Unit number | CĂN HỘ DUPLEX<br>/ Duplex       |
| SH3   | LOẠI CĂN HỘ<br>/ Unit type                                    | CĂN HỘ PENTHOUSE<br>/ Penthouse |
| 225.4 | DIỆN TÍCH CĂN HỘ<br>/ NET Salable area                        |                                 |







THE TEN

2 PHÒNG NGỦ  
/ 2 BEDROOMS

Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 3  
Loại căn hộ / Unit type Y1-3  
Diện tích / Net saleable area 106.8 m<sup>2</sup>



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 3  
Loại căn hộ / Unit type Y3-3  
Diện tích / Net saleable area 101.0 m<sup>2</sup>



Lối vào / Entrance





Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor

3

Loại căn hộ / Unit type

Y5-3

Diện tích / Net saleable area

101.1 m<sup>2</sup>

Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor

3

Loại căn hộ / Unit type

Y6-3

Diện tích / Net saleable area

101.1 m<sup>2</sup>





Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 3  
Loại căn hộ / Unit type Y7-3  
Diện tích / Net saleable area 100.4 m<sup>2</sup>



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 3  
Loại căn hộ / Unit type Y8-3  
Diện tích / Net saleable area 100.9 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 3  
Loại căn hộ / Unit type Y10-3  
Diện tích / Net saleable area 100.4 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 3  
Loại căn hộ / Unit type Y13-3  
Diện tích / Net saleable area 89.9 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance



# Toà A / Tower A

Tầng / Floor 3  
 Loại căn hộ / Unit type Y14-3  
 Diện tích / Net saleable area 89.9 m<sup>2</sup>



# Toà B / Tower B

Tầng / Floor 3  
 Loại căn hộ / Unit type Y15-3  
 Diện tích / Net saleable area 114.7 m<sup>2</sup>



Lối vào  
 /Entrance



Lối vào  
 /Entrance





Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 3  
Loại căn hộ / Unit type Y16-3  
Diện tích / Net saleable area 107.3 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance

Lối vào  
/Entrance

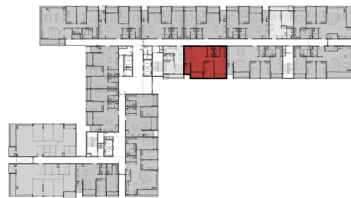
Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 3  
Loại căn hộ / Unit type Y17-3  
Diện tích / Net saleable area 89.7 m<sup>2</sup>



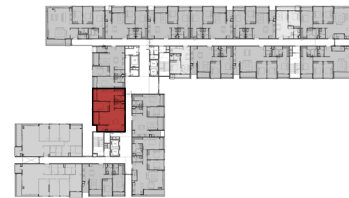
Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 4-9  
Loại căn hộ / Unit type Y1  
Diện tích / Net saleable area 90.2 m<sup>2</sup>



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 4-8  
Loại căn hộ / Unit type Y2  
Diện tích / Net saleable area 90.0 m<sup>2</sup>



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor

4-8

Loại căn hộ / Unit type

Y3

Diện tích / Net saleable area

90.2 m<sup>2</sup>

Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor

4-6

Loại căn hộ / Unit type

Y4

Diện tích / Net saleable area

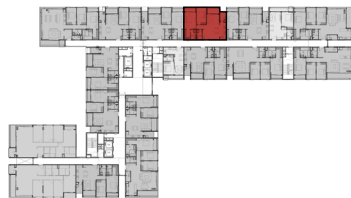
89.8 m<sup>2</sup>





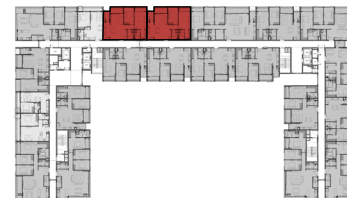
# Toà A / Tower A

Tầng / Floor 4-6  
 Loại căn hộ / Unit type Y5  
 Diện tích / Net saleable area 90.1 m<sup>2</sup>



# Toà B / Tower B

Tầng / Floor 4-6  
 Loại căn hộ / Unit type Y6  
 Diện tích / Net saleable area 90.2 m<sup>2</sup>



Lối vào  
 /Entrance

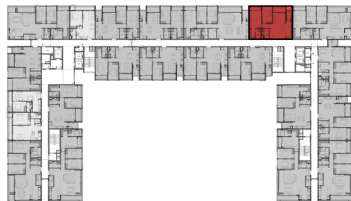


Lối vào  
 /Entrance



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 4-8  
Loại căn hộ / Unit type Y7  
Diện tích / Net saleable area 90.1 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance

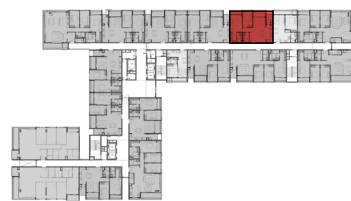


8660

11240

Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 4-6  
Loại căn hộ / Unit type Y9  
Diện tích / Net saleable area 90.0 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance



8660

11240

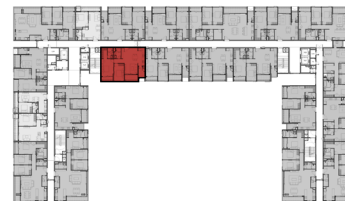
Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 4-9(\*)  
 Loại căn hộ / Unit type Y10  
 Diện tích / Net saleable area 90.0 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 4-9  
 Loại căn hộ / Unit type Y11  
 Diện tích / Net saleable area 90.1 m<sup>2</sup>



Lối vào  
 /Entrance



Lối vào  
 /Entrance

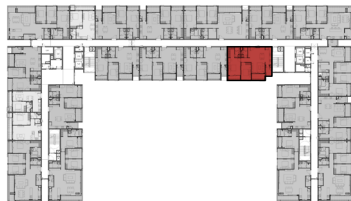


\*Lưu ý: Tầng 9 chỉ có căn hộ vị trí số 1  
 Note: The 9th floor, there is only apartment number 1



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 4-9  
Loại căn hộ / Unit type Y12  
Diện tích / Net saleable area 90.4 m<sup>2</sup>



11240

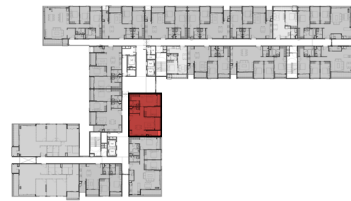
Lối vào  
/Entrance

Lối vào  
/Entrance

8660

Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 4-9  
Loại căn hộ / Unit type Y13  
Diện tích / Net saleable area 90.1 m<sup>2</sup>



11240

8660

Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 4-8  
 Loại căn hộ / Unit type Y14  
 Diện tích / Net saleable area 90.0 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance

Toà **A** / Tower A

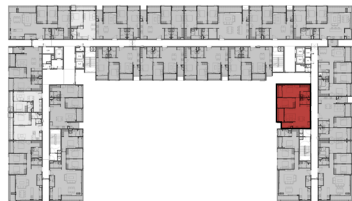
Tầng / Floor 4-8  
 Loại căn hộ / Unit type Y15  
 Diện tích / Net saleable area 90.0 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance

## Toà B

Tầng / Floor 4-9  
Loại căn hộ / Unit type Y16  
Diện tích / Net saleable area 90.0 m<sup>2</sup>



11260

Lối vào  
/Entrance

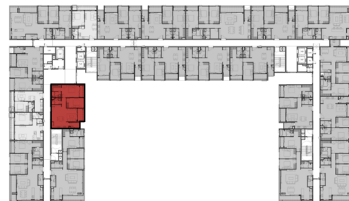
Lối vào  
/Entrance



11240

## Toà B / Tower B

Tầng / Floor 4-9  
Loại căn hộ / Unit type Y17  
Diện tích / Net saleable area 89.8 m<sup>2</sup>





Toà

B

/ Tower B

Tầng / Floor

4-9

Loại căn hộ / Unit type

Y18

Diện tích / Net saleable area

90.3 m<sup>2</sup>



Toà

A

/ Tower A

Tầng / Floor

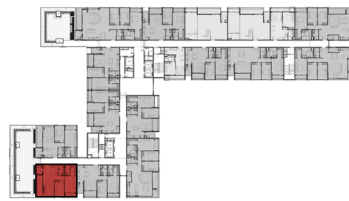
7-8

Loại căn hộ / Unit type

Y19

Diện tích / Net saleable area

88.3 m<sup>2</sup>



Lối vào

/Entrance



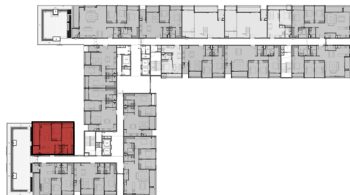
Lối vào

/Entrance



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 7-8  
Loại căn hộ / Unit type Y20  
Diện tích / Net saleable area 88.9 m<sup>2</sup>

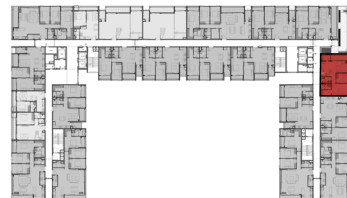


Lối vào  
/Entrance



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 7-8  
Loại căn hộ / Unit type Y21  
Diện tích / Net saleable area 88.8 m<sup>2</sup>

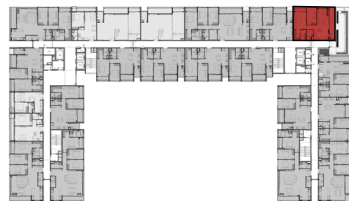


Lối vào  
/Entrance



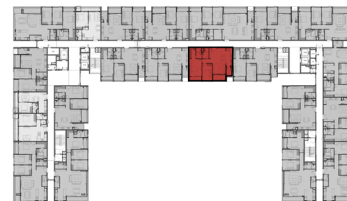
Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 7-8  
Loại căn hộ / Unit type Y22  
Diện tích / Net saleable area 88.4 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 4-9  
Loại căn hộ / Unit type Y23  
Diện tích / Net saleable area 90.2 m<sup>2</sup>







## 3 PHÒNG NGỦ / 3 BEDROOMS



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 3  
 Loại căn hộ / Unit type Z1-3  
 Diện tích / Net saleable area 143.8 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 3  
 Loại căn hộ / Unit type Z2-3  
 Diện tích / Net saleable area 150.9 m<sup>2</sup>





Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor

3

Loại căn hộ / Unit type

Z3-3

Diện tích / Net saleable area

126.1 m<sup>2</sup>



Lối vào / Entrance



Lối vào / Entrance



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor

3

Loại căn hộ / Unit type

Z6-3

Diện tích / Net saleable area

128.7 m<sup>2</sup>





Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 3  
Loại căn hộ / Unit type Z7-3  
Diện tích / Net saleable area 127.9 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 3  
Loại căn hộ / Unit type Z7'-3  
Diện tích / Net saleable area 153.1 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance



Toà

A

/ Tower A

Tầng / Floor

3

Loại căn hộ / Unit type

Z9-3

Diện tích / Net saleable area

152.4 m<sup>2</sup>



Toà

B

/ Tower B

Tầng / Floor

3

Loại căn hộ / Unit type

Z10-3

Diện tích / Net saleable area

162.2 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 3  
 Loại căn hộ / Unit type Z11-3  
 Diện tích / Net saleable area 159.4 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 3  
 Loại căn hộ / Unit type Z18-3  
 Diện tích / Net saleable area 142.0 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor

3

Loại căn hộ / Unit type

Z21-3

Diện tích / Net saleable area

142.6 m<sup>2</sup>

Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor

3

Loại căn hộ / Unit type

Z22-3

Diện tích / Net saleable area

140.5 m<sup>2</sup>



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 3  
Loại căn hộ / Unit type Z23-3  
Diện tích / Net saleable area 131.6 m<sup>2</sup>

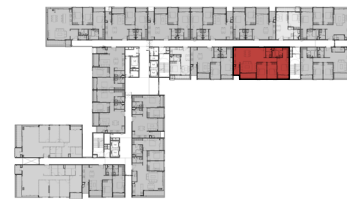


Lối vào  
/Entrance



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 4-9  
Loại căn hộ / Unit type Z1  
Diện tích / Net saleable area 120.5 m<sup>2</sup>

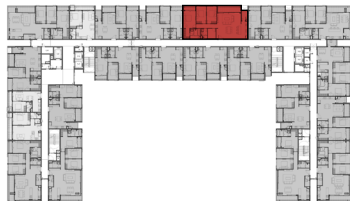


Lối vào  
/Entrance



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 4-9  
Loại căn hộ / Unit type Z2  
Diện tích / Net saleable area 135.7 m<sup>2</sup>

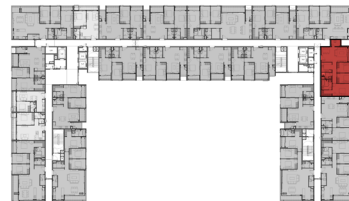


Lối vào  
/Entrance



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 4-6  
Loại căn hộ / Unit type Z3  
Diện tích / Net saleable area 109.1 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance





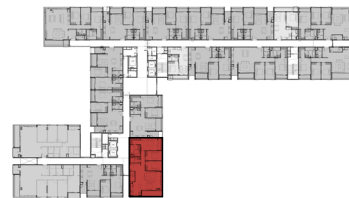
Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 4, 6, 8  
 Loại căn hộ / Unit type Z4  
 Diện tích / Net saleable area 129.7 m<sup>2</sup>



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 4, 6, 8  
 Loại căn hộ / Unit type Z5  
 Diện tích / Net saleable area 128.4 m<sup>2</sup>



Lối vào  
 /Entrance

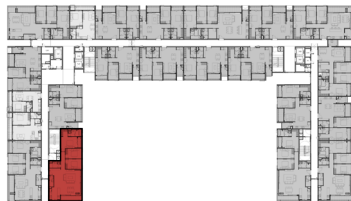


Lối vào  
 /Entrance



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 4-9  
Loại căn hộ / Unit type Z7  
Diện tích / Net saleable area 127.9 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 4-9  
Loại căn hộ / Unit type Z7'  
Diện tích / Net saleable area 127.9 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance



Toà

B

/ Tower B

Tầng / Floor

4, 6, 8

Loại căn hộ / Unit type

Z8

Diện tích / Net saleable area

128.5 m<sup>2</sup>



Toà

A

/ Tower A

Tầng / Floor

5, 7, 9

Loại căn hộ / Unit type

Z9

Diện tích / Net saleable area

129.9 m<sup>2</sup>



Lối vào

/Entrance



Lối vào

/Entrance





Toà

B

/ Tower B

Tầng / Floor

5, 7, 9

Loại căn hộ / Unit type

Z10

Diện tích / Net saleable area

130.4 m<sup>2</sup>

Toà

A

/ Tower A

Tầng / Floor

7-8

Loại căn hộ / Unit type

Z12

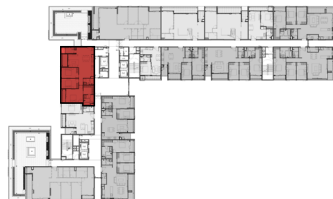
Diện tích / Net saleable area

147.4 m<sup>2</sup>



# Toà A / Tower A

Tầng / Floor 9  
 Loại căn hộ / Unit type Z13  
 Diện tích / Net saleable area 118.9 m<sup>2</sup>



Lối vào  
 /Entrance



# Toà B / Tower B

Tầng / Floor 5, 7, 9  
 Loại căn hộ / Unit type Z14  
 Diện tích / Net saleable area 128.2 m<sup>2</sup>



Lối vào  
 /Entrance



Toà

A

/

Tower A

Tầng / Floor

4, 6, 8

Loại căn hộ / Unit type

Z15

Diện tích / Net saleable area

130.2 m<sup>2</sup>



Toà

A

/

Tower A

Tầng / Floor

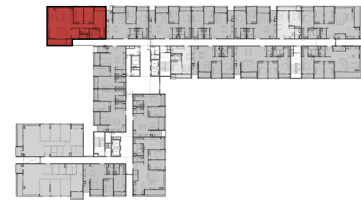
4, 5, 6

Loại căn hộ / Unit type

Z16

Diện tích / Net saleable area

140.3 m<sup>2</sup>





Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 4, 6, 8  
 Loại căn hộ / Unit type Z17  
 Diện tích / Net saleable area 130.7 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance



Toà **B** / Tower B

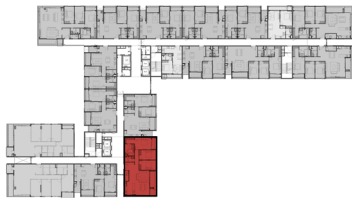
Tầng / Floor 4, 5, 6  
 Loại căn hộ / Unit type Z18  
 Diện tích / Net saleable area 122.8 m<sup>2</sup>

Lối vào  
/Entrance



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 5, 7, 9  
Loại căn hộ / Unit type Z19  
Diện tích / Net saleable area 128.7 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 4, 6, 8  
Loại căn hộ / Unit type Z20  
Diện tích / Net saleable area 128.7 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance



Toà

B

/ Tower B

Tầng / Floor

5, 7, 9

Loại căn hộ / Unit type

Z20'

Diện tích / Net saleable area

128.8 m<sup>2</sup>



Toà

A

/ Tower A

Tầng / Floor

5, 7, 9

Loại căn hộ / Unit type

Z21

Diện tích / Net saleable area

130.0 m<sup>2</sup>





THE TEN

4 PHÒNG NGỦ  
/ 4 BEDROOMS



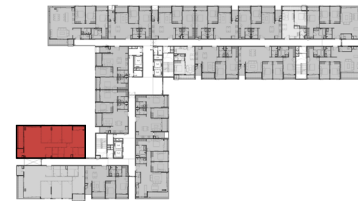
Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 4-6  
 Loại căn hộ / Unit type T1  
 Diện tích / Net saleable area 149.9 m<sup>2</sup>



Toà **A** / Tower A

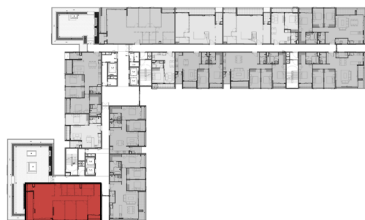
Tầng / Floor 4-6  
 Loại căn hộ / Unit type T2  
 Diện tích / Net saleable area 147.0 m<sup>2</sup>





Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 9  
Loại căn hộ / Unit type T3  
Diện tích / Net saleable area 147.5 m<sup>2</sup>



18000

8660

Lối vào  
/Entrance

Lối vào  
/Entrance

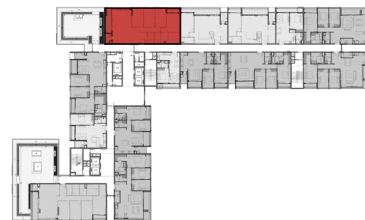


18000

8660

Toà **A** / Tower A

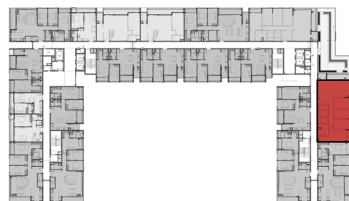
Tầng / Floor 9  
Loại căn hộ / Unit type T4  
Diện tích / Net saleable area 147.5 m<sup>2</sup>





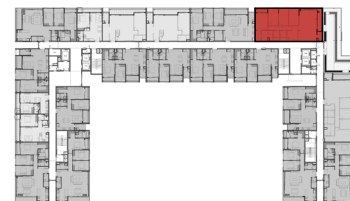
Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 9  
 Loại căn hộ / Unit type T5  
 Diện tích / Net saleable area 147.0 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 9  
 Loại căn hộ / Unit type T6  
 Diện tích / Net saleable area 146.3 m<sup>2</sup>



Lối vào  
 /Entrance



Lối vào  
 /Entrance



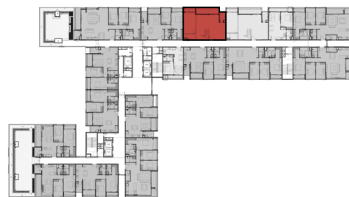
THE TEN

DUPLEX  
/ DUPLEX



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 7  
 Loại căn hộ / Unit type DL1  
 Diện tích / Net saleable area 168.5 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 8  
 Loại căn hộ / Unit type DL1  
 Diện tích / Net saleable area 168.5 m<sup>2</sup>



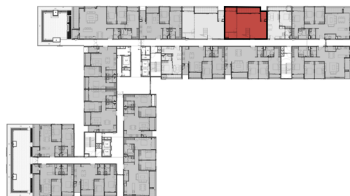
Lối vào  
/Entrance





Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 7  
Loại căn hộ / Unit type DL2  
Diện tích / Net saleable area 167.5 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 8  
Loại căn hộ / Unit type DL2  
Diện tích / Net saleable area 167.5 m<sup>2</sup>

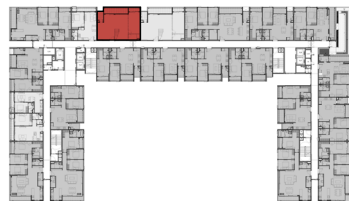


Lối vào  
/Entrance



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 7  
 Loại căn hộ / Unit type DL3  
 Diện tích / Net saleable area 168.2 m<sup>2</sup>



Lối vào  
 /Entrance



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 8  
 Loại căn hộ / Unit type DL3  
 Diện tích / Net saleable area 168.2 m<sup>2</sup>



Lối vào  
 /Entrance

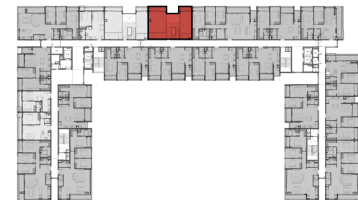
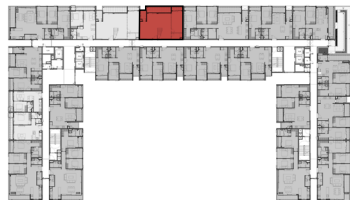


Toà **B** / Tower B
 

Tầng / Floor
 7

Loại căn hộ / Unit type
 DL4

Diện tích / Net saleable area
 168.1 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B
 

Tầng / Floor
 8

Loại căn hộ / Unit type
 DL4

Diện tích / Net saleable area
 168.1 m<sup>2</sup>





Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor

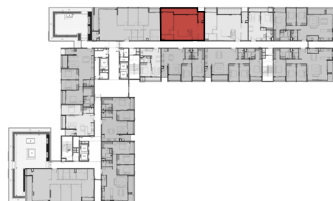
9

Loại căn hộ / Unit type

DL5

Diện tích / Net saleable area

168.8 m<sup>2</sup>



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor

10

Loại căn hộ / Unit type

DL5

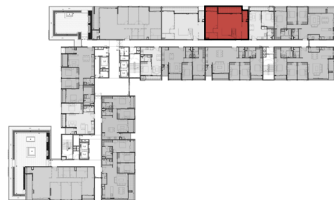
Diện tích / Net saleable area

168.8 m<sup>2</sup>



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 9  
Loại căn hộ / Unit type DL6  
Diện tích / Net saleable area 167.1 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance



8660

11240



Lối vào  
/Entrance



8660

11240

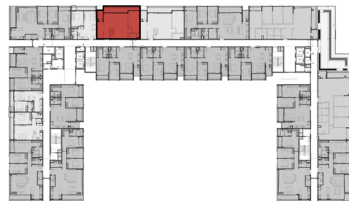
Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 10  
Loại căn hộ / Unit type DL6  
Diện tích / Net saleable area 167.1 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 9  
Loại căn hộ / Unit type DL7  
Diện tích / Net saleable area 167.9 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 10  
Loại căn hộ / Unit type DL7  
Diện tích / Net saleable area 167.9 m<sup>2</sup>



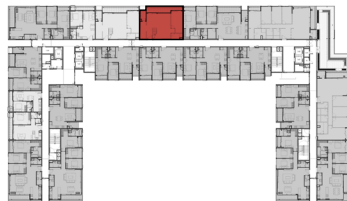
Lối vào  
/Entrance





Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 9  
Loại căn hộ / Unit type DL8  
Diện tích / Net saleable area 167.8 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 10  
Loại căn hộ / Unit type DL8  
Diện tích / Net saleable area 167.8 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance

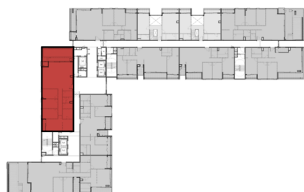


**PENTHOUSE**  
/ PENTHOUSE



Toà **A** / Tower A

|                               |                      |
|-------------------------------|----------------------|
| Tầng / Floor                  | 10                   |
| Loại căn hộ / Unit type       | PH1                  |
| Diện tích / Net saleable area | 189.8 m <sup>2</sup> |



Toà **A** / Tower A

|                               |                      |
|-------------------------------|----------------------|
| Tầng / Floor                  | 10                   |
| Loại căn hộ / Unit type       | PH2                  |
| Diện tích / Net saleable area | 251.8 m <sup>2</sup> |





Toà

A

/ Tower A

Tầng / Floor

10

Loại căn hộ / Unit type

PH3

Diện tích / Net saleable area

132.5 m2



Toà

A

/ Tower A

Tầng / Floor

10

Loại căn hộ / Unit type

PH4

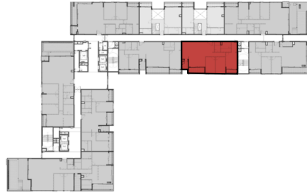
Diện tích / Net saleable area

136.3 m<sup>2</sup>



## Toà A / Tower A

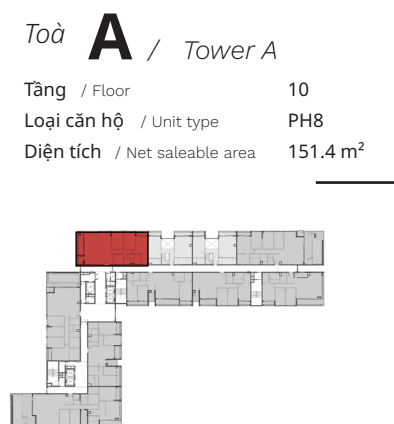
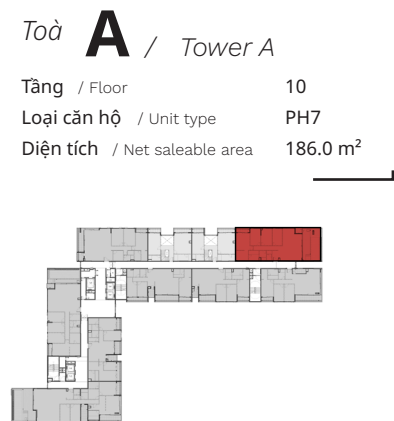
Tầng / Floor 10  
Loại căn hộ / Unit type PH5  
Diện tích / Net saleable area 120.6 m<sup>2</sup>



## Toà A / Tower A

Tầng / Floor 10  
Loại căn hộ / Unit type PH6  
Diện tích / Net saleable area 130.2 m<sup>2</sup>







Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 10

Loại căn hộ / Unit type PH9

Diện tích / Net saleable area 187.1 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 10

Loại căn hộ / Unit type PH10

Diện tích / Net saleable area 139.1 m<sup>2</sup>





LỐI VÀO  
/Entrance

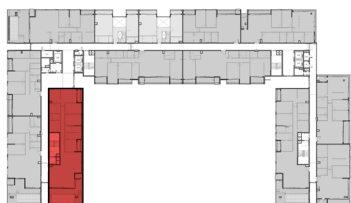


/Entrance

Toà **B** / Tower B  
Tầng / Floor 10  
Loại căn hộ / Unit type PH11  
Diện tích / Net saleable area 189.8 m²



Toà **B** / Tower B  
Tầng / Floor 10  
Loại căn hộ / Unit type PH12  
Diện tích / Net saleable area 223.9 m²



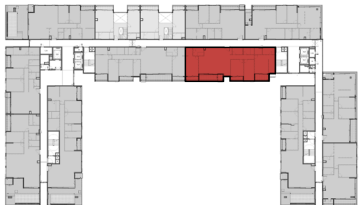
Toà **B**

Tầng / Floor 10  
Loại căn hộ / Unit type PH13  
Diện tích / Net saleable area 186.4 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 10  
Loại căn hộ / Unit type PH14  
Diện tích / Net saleable area 183.7 m<sup>2</sup>



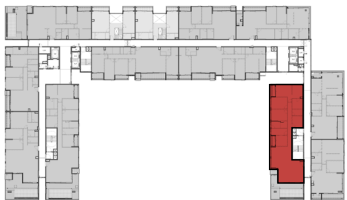


Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 10

Loại căn hộ / Unit type PH15

Diện tích / Net saleable area 224.4 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance

Lối vào  
/Entrance

Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 10

Loại căn hộ / Unit type PH16

Diện tích / Net saleable area 128.7 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 10

Loại căn hộ / Unit type PH17

Diện tích / Net saleable area 146.8 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 10

Loại căn hộ / Unit type PH18

Diện tích / Net saleable area 156.9 m<sup>2</sup>



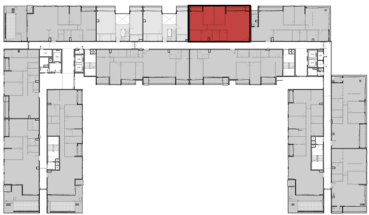


Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor
10

Loại căn hộ / Unit type
PH19

Diện tích / Net saleable area
123.6 m<sup>2</sup>







THE TEN

**TOWNHOUSE**  
/ TOWNHOUSE

Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 1  
 Loại căn hộ / Unit type TH1  
 Diện tích / Net saleable area 193.0 m<sup>2</sup>



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 2  
 Loại căn hộ / Unit type TH1  
 Diện tích / Net saleable area 193.0 m<sup>2</sup>

Lối vào  
 /Entrance



8660

11470

Lối vào  
 /Entrance



9460

11470



Toà

A

/ Tower A

Tầng / Floor

1

Loại căn hộ / Unit type

TH2

Diện tích / Net saleable area

195.2 m2



Toà

A

/ Tower A

Tầng / Floor

2

Loại căn hộ / Unit type

TH2

Diện tích / Net saleable area

195.2 m²



Lối vào

/Entrance



Lối vào

/Entrance





Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 1  
 Loại căn hộ / Unit type TH3  
 Diện tích / Net saleable area 266.3 m2



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 2  
 Loại căn hộ / Unit type TH3  
 Diện tích / Net saleable area 266.3 m2



Lối vào  
 /Entrance



Lối vào  
 /Entrance



Toà

**B**

/

Tower B

Tầng / Floor

1

Loại căn hộ / Unit type

TH4

Diện tích / Net saleable area

282.7 m<sup>2</sup>



Toà

**B**

/

Tower B

Tầng / Floor

2

Loại căn hộ / Unit type

TH4

Diện tích / Net saleable area

282.7 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 1  
Loại căn hộ / Unit type TH5  
Diện tích / Net saleable area 190.0 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 2  
Loại căn hộ / Unit type TH5  
Diện tích / Net saleable area 190.0 m<sup>2</sup>



Lối vào  
/Entrance



Lối vào  
/Entrance





Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 1  
Loại căn hộ / Unit type TH6  
Diện tích / Net saleable area 194.2 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 2  
Loại căn hộ / Unit type TH6  
Diện tích / Net saleable area 194.2 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 1  
Loại căn hộ / Unit type TH7  
Diện tích / Net saleable area 133.1 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 2  
Loại căn hộ / Unit type TH7  
Diện tích / Net saleable area 133.1 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 1  
Loại căn hộ / Unit type TH8  
Diện tích / Net saleable area 137.7 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 2  
Loại căn hộ / Unit type TH8  
Diện tích / Net saleable area 137.7 m<sup>2</sup>





THE TEN

SHOPHOUSE  
/ SHOPHOUSE

GUEST

PADAR

ANDY KLEIN



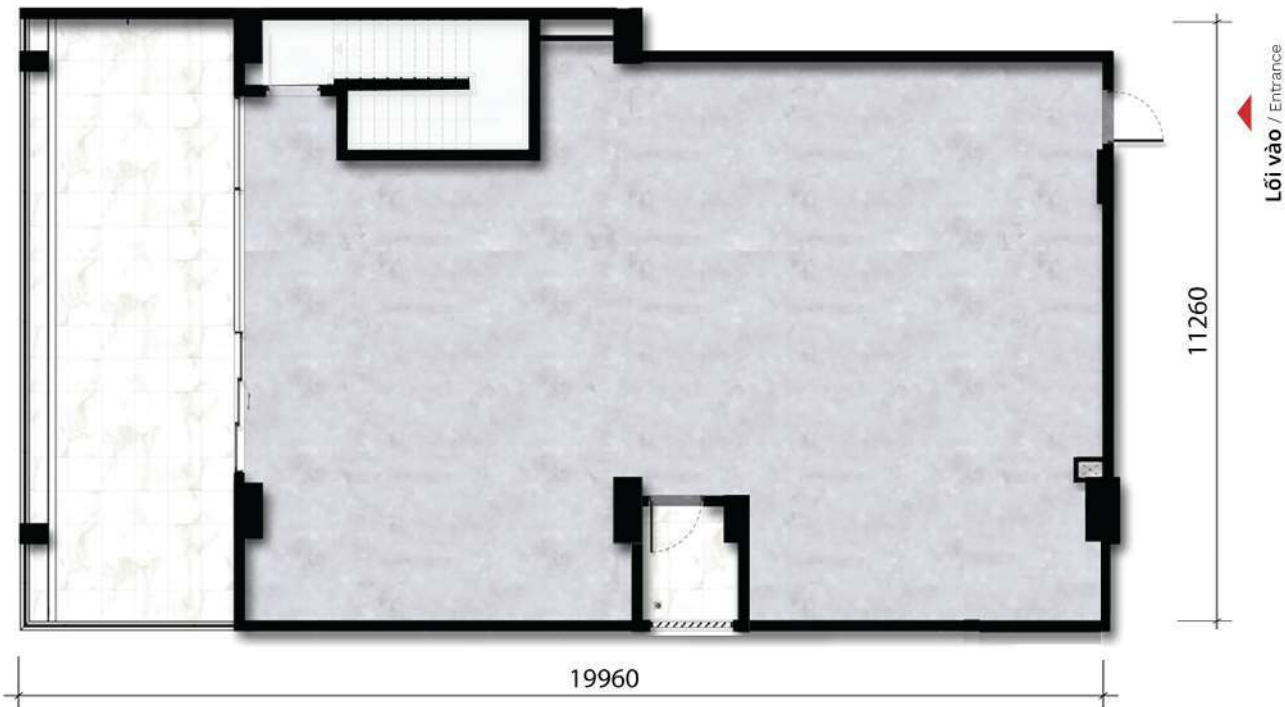
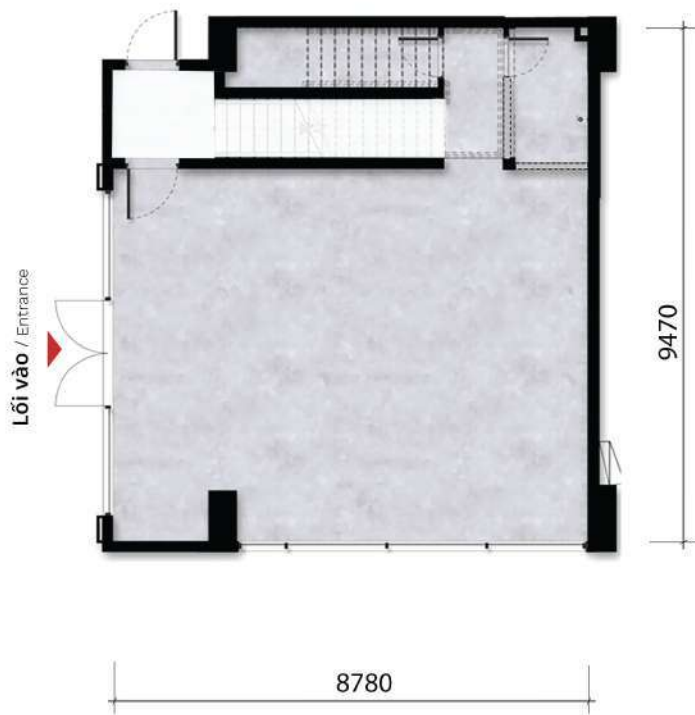
Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 1  
Loại căn hộ / Unit type SH1  
Diện tích / Net saleable area 265.6 m<sup>2</sup>



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 2  
Loại căn hộ / Unit type SH1  
Diện tích / Net saleable area 265.6 m<sup>2</sup>



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor

1

Loại căn hộ / Unit type

SH2

Diện tích / Net saleable area

221.3 m<sup>2</sup>



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor

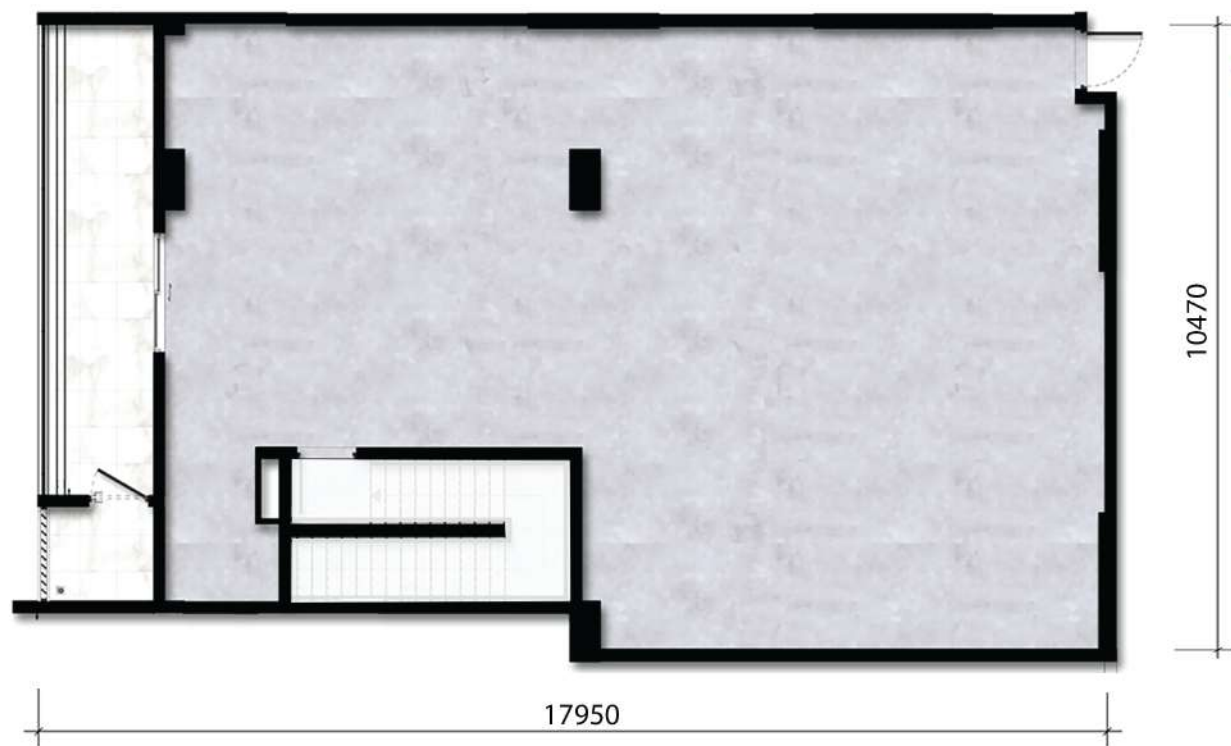
2

Loại căn hộ / Unit type

SH2

Diện tích / Net saleable area

221.3 m<sup>2</sup>





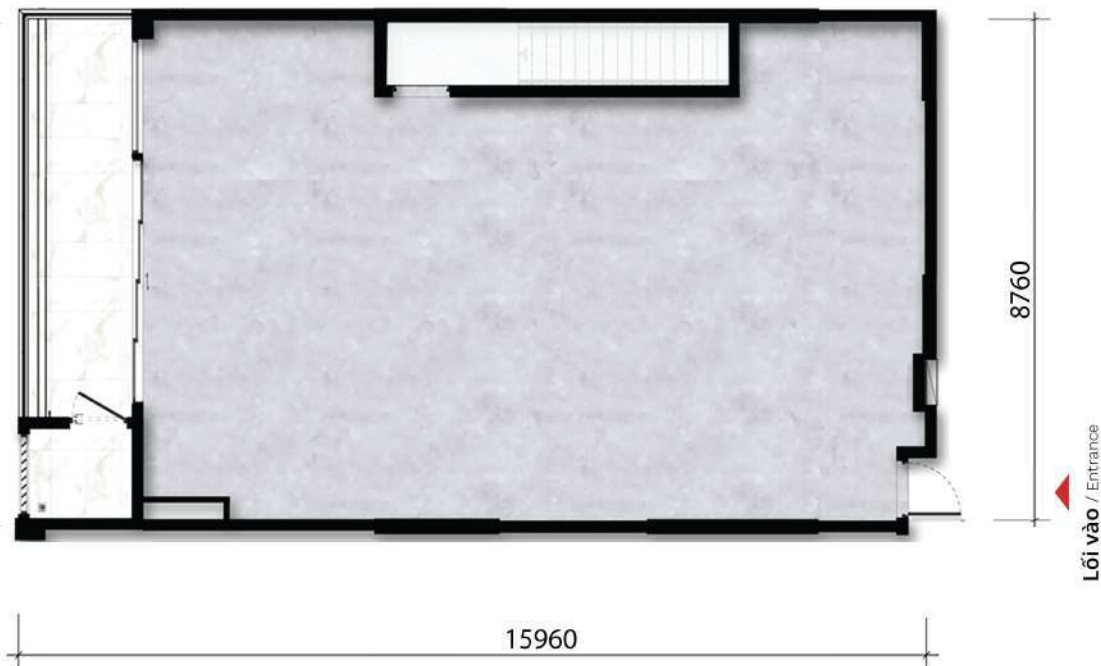
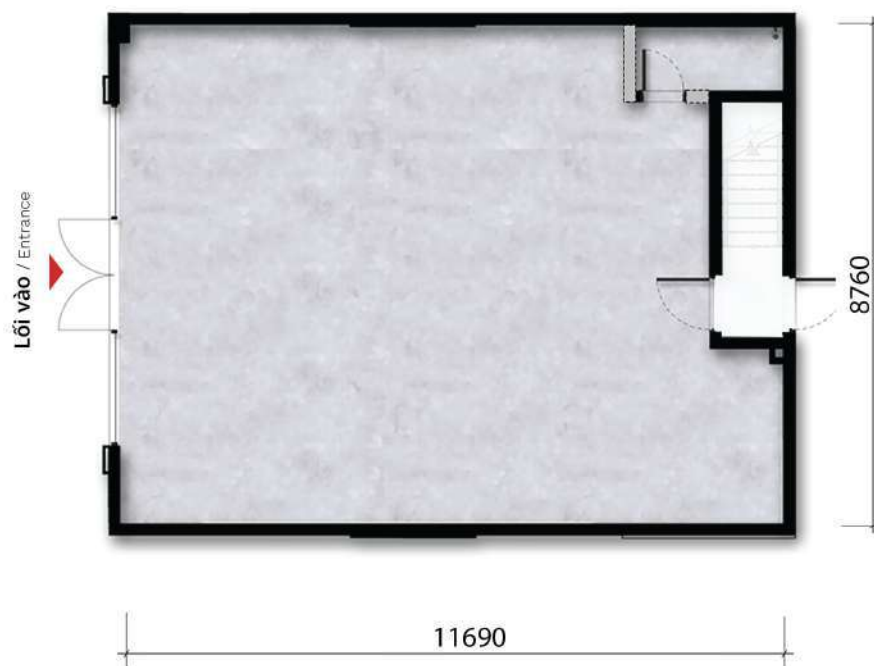
Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 1  
Loại căn hộ / Unit type SH3  
Diện tích / Net saleable area 222.7 m<sup>2</sup>



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 2  
Loại căn hộ / Unit type SH3  
Diện tích / Net saleable area 222.7 m<sup>2</sup>



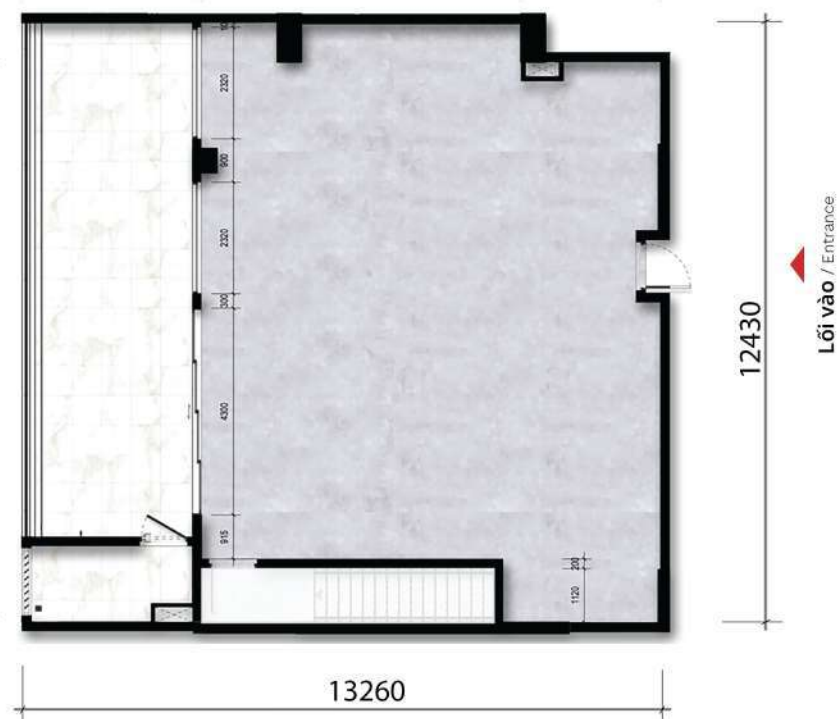
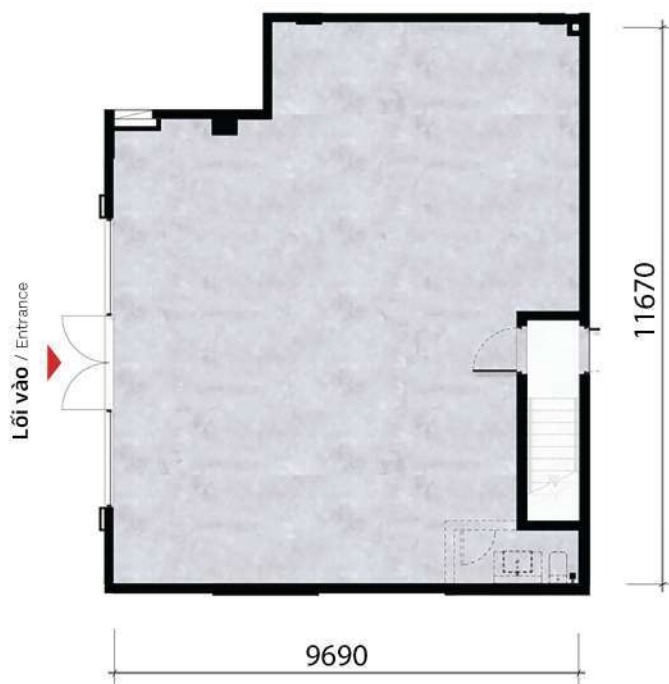
Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 1  
 Loại căn hộ / Unit type SH4  
 Diện tích / Net saleable area 247.6 m<sup>2</sup>



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 2  
 Loại căn hộ / Unit type SH4  
 Diện tích / Net saleable area 247.6 m<sup>2</sup>



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor

1

Loại căn hộ / Unit type

SH5

Diện tích / Net saleable area

193 m<sup>2</sup>

Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor

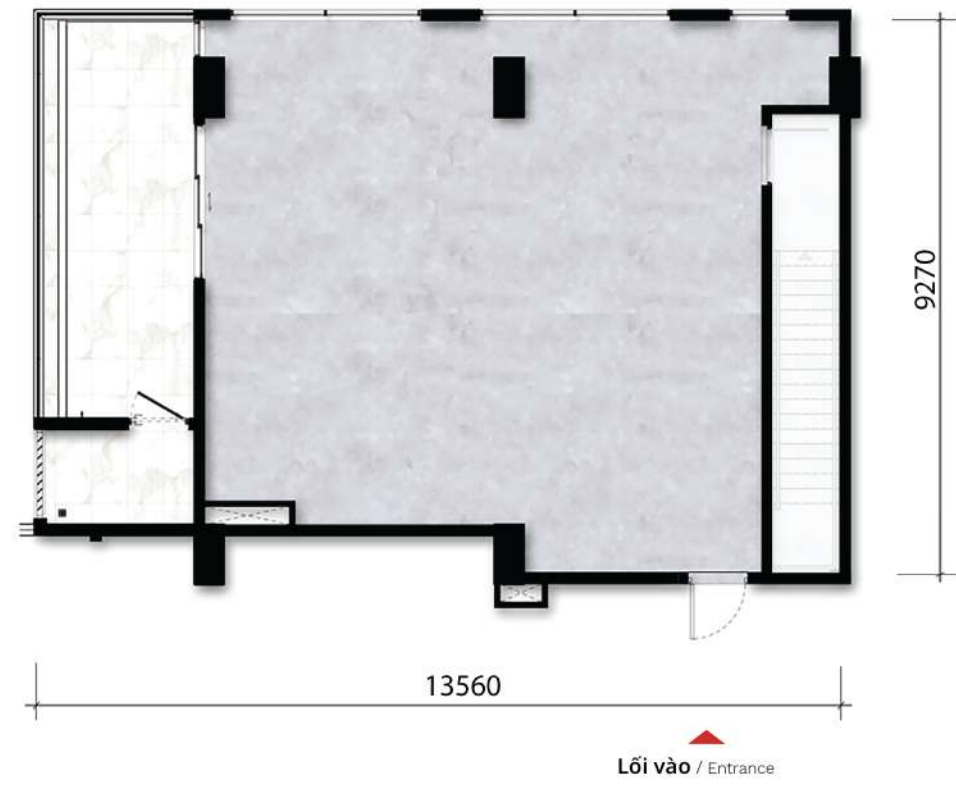
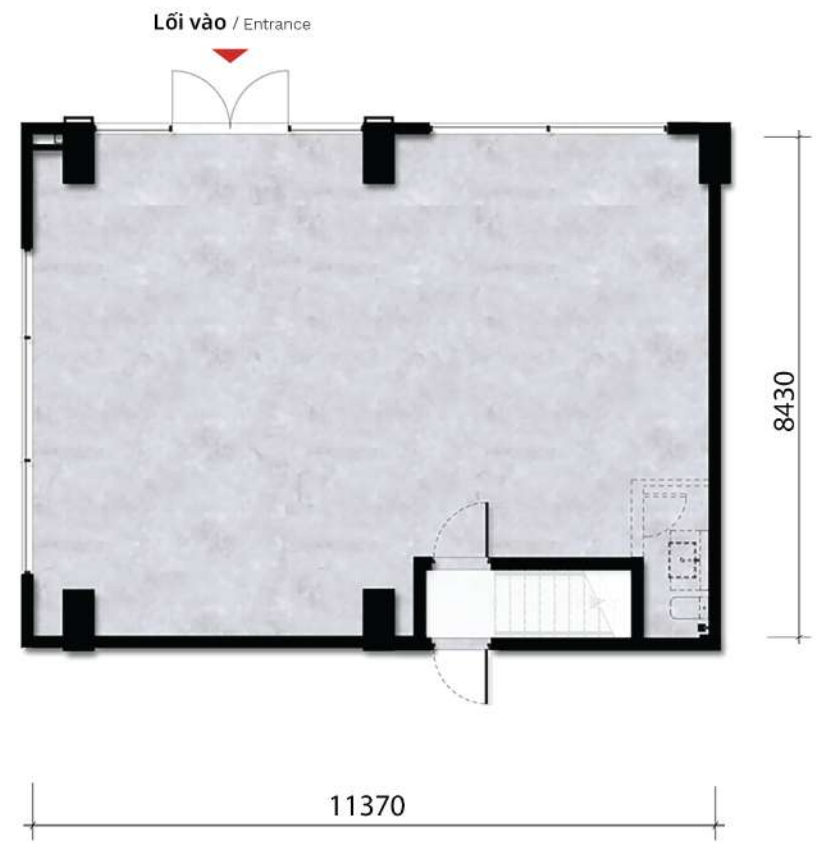
2

Loại căn hộ / Unit type

SH5

Diện tích / Net saleable area

193 m<sup>2</sup>





Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor

1

Loại căn hộ / Unit type

SH6

Diện tích / Net saleable area

232.8 m<sup>2</sup>



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor

2

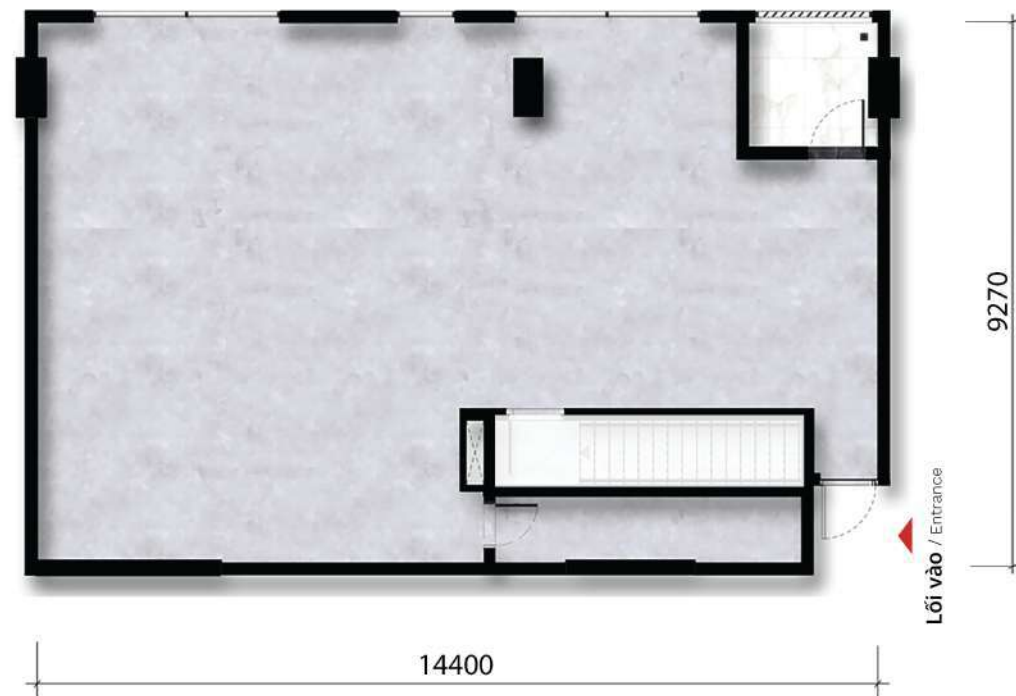
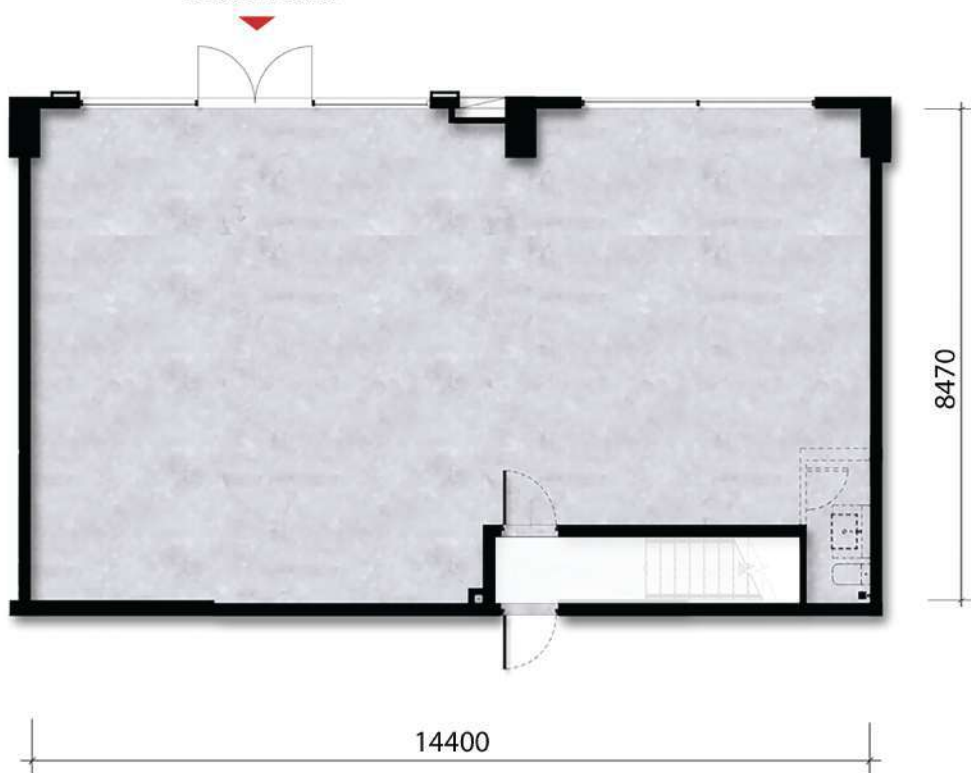
Loại căn hộ / Unit type

SH6

Diện tích / Net saleable area

232.8 m<sup>2</sup>

Lối vào / Entrance



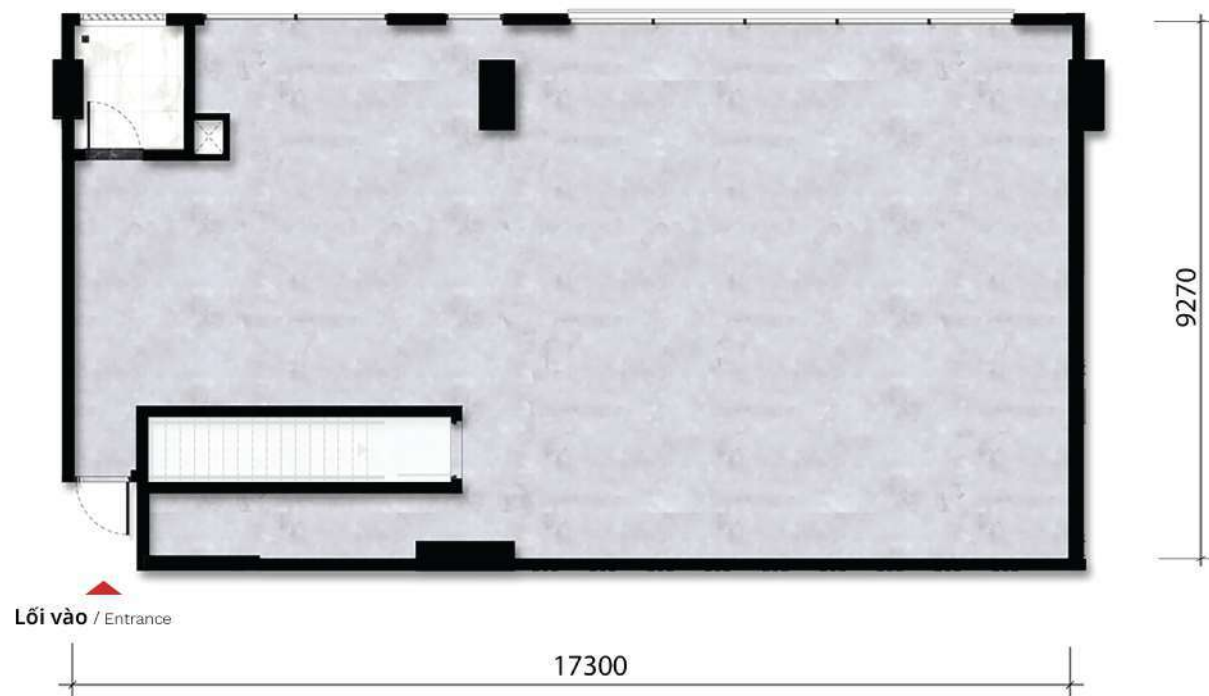
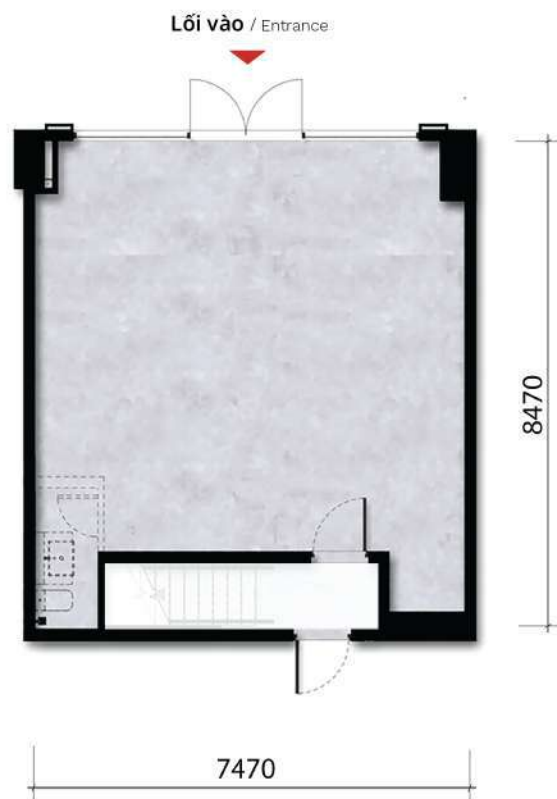
Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 1  
Loại căn hộ / Unit type SH7  
Diện tích / Net saleable area 201.2 m<sup>2</sup>



Toà **A** / Tower A

Tầng / Floor 2  
Loại căn hộ / Unit type SH7  
Diện tích / Net saleable area 201.2 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 1  
 Loại căn hộ / Unit type SH8  
 Diện tích / Net saleable area 153.7 m<sup>2</sup>

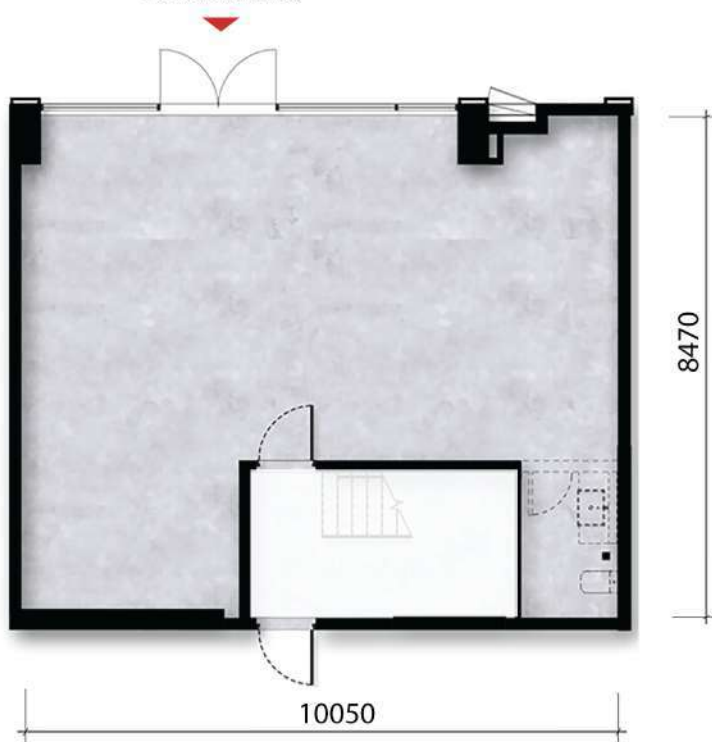


Toà **B** / Tower B

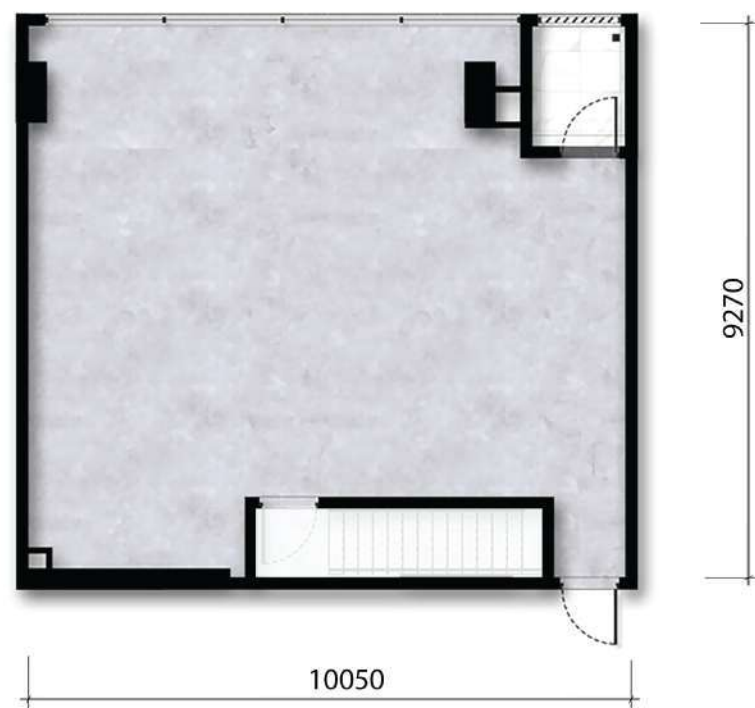
Tầng / Floor 2  
 Loại căn hộ / Unit type SH8  
 Diện tích / Net saleable area 153.7 m<sup>2</sup>



Lối vào / Entrance



Lối vào / Entrance





Toà

B

/ Tower B

Tầng / Floor

Loại căn hộ / Unit type

Diện tích / Net saleable area

1

SH9

198.9 m<sup>2</sup>



Toà

B

/ Tower B

Tầng / Floor

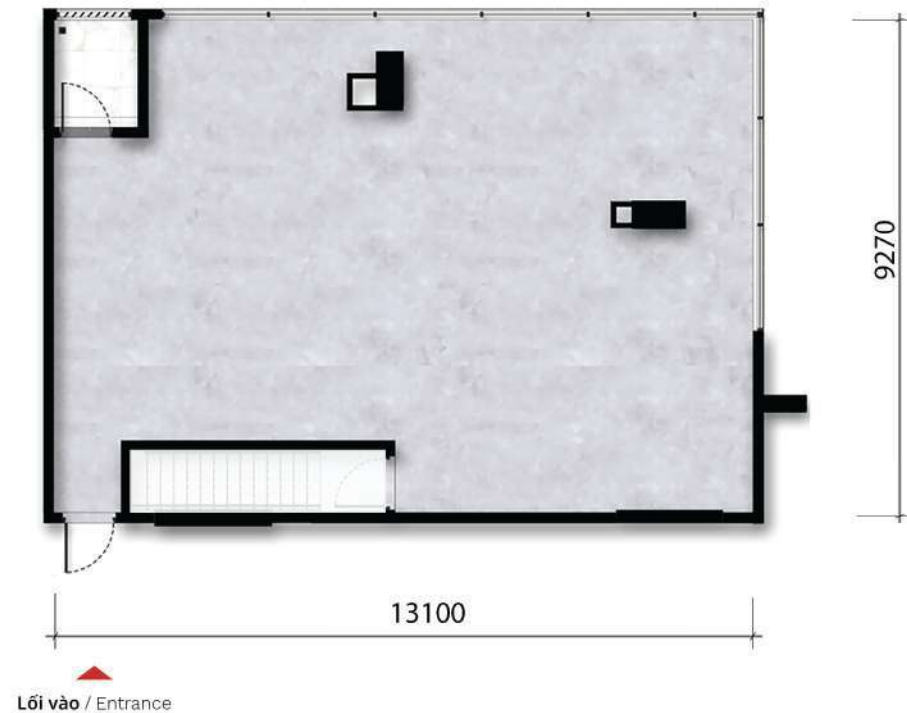
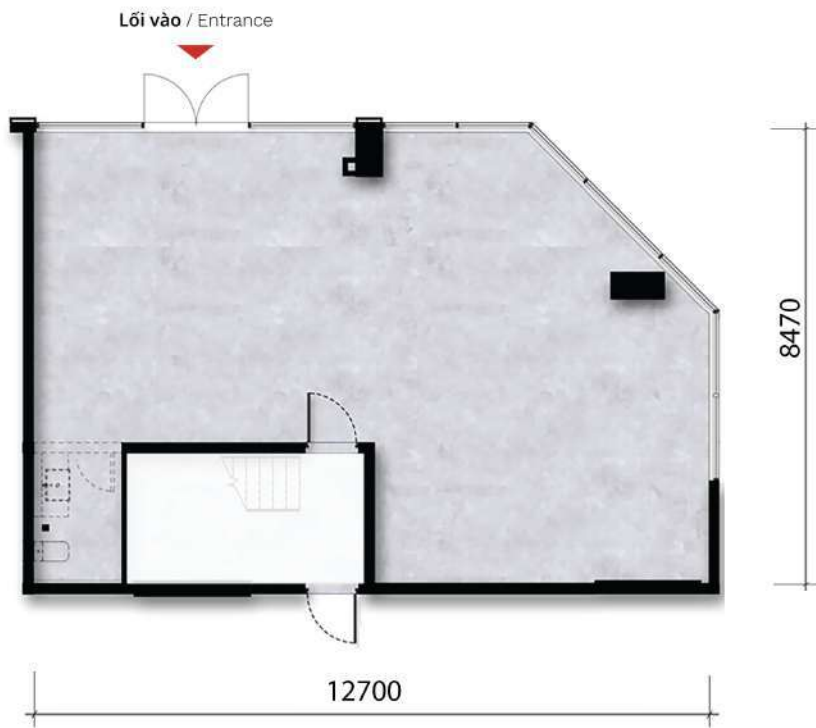
Loại căn hộ / Unit type

Diện tích / Net saleable area

2

SH9

198.9 m<sup>2</sup>



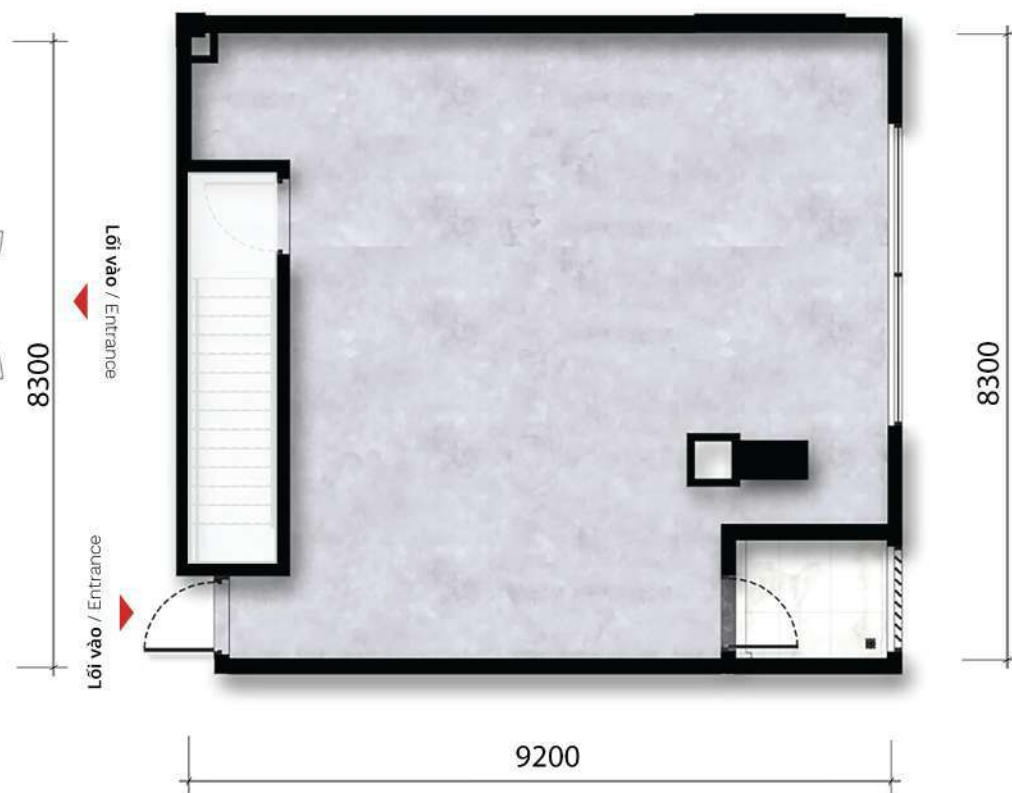
Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 1  
 Loại căn hộ / Unit type SH10  
 Diện tích / Net saleable area 121.2 m<sup>2</sup>



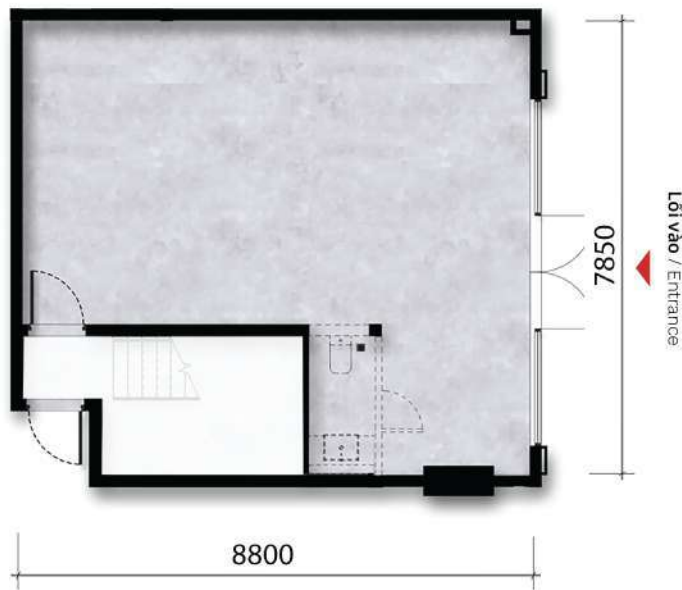
Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 2  
 Loại căn hộ / Unit type SH10  
 Diện tích / Net saleable area 121.2 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 1  
Loại căn hộ / Unit type SH11  
Diện tích / Net saleable area 156.2 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor 2  
Loại căn hộ / Unit type SH11  
Diện tích / Net saleable area 156.2 m<sup>2</sup>





Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor

1

Loại căn hộ / Unit type

SH12

Diện tích / Net saleable area

179.6 m<sup>2</sup>



Toà **B** / Tower B

Tầng / Floor

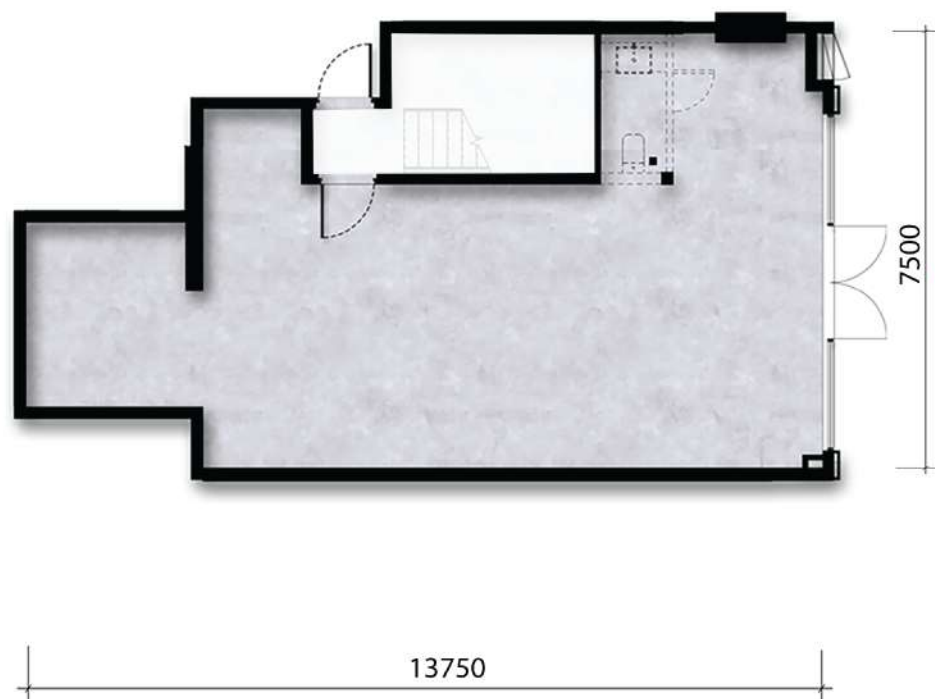
2

Loại căn hộ / Unit type

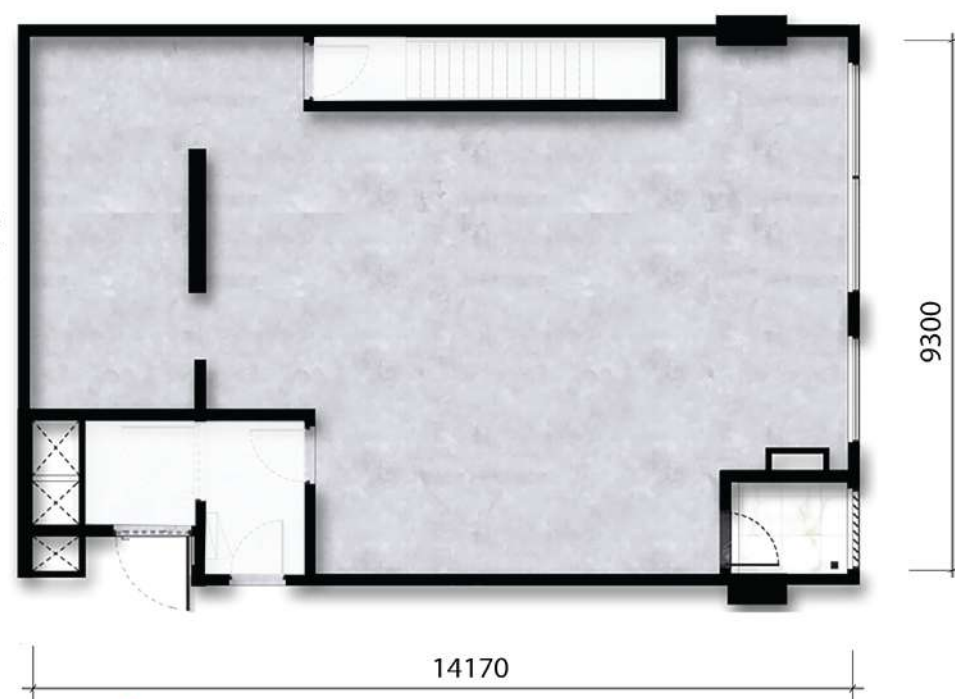
SH12

Diện tích / Net saleable area

179.6 m<sup>2</sup>



Lối vào / Entrance



Lối vào / Entrance

Toà

B

/ Tower B

Tầng / Floor

1

Loại căn hộ / Unit type

SH13

Diện tích / Net saleable area

489.9 m<sup>2</sup>



Toà

B

/ Tower B

Tầng / Floor

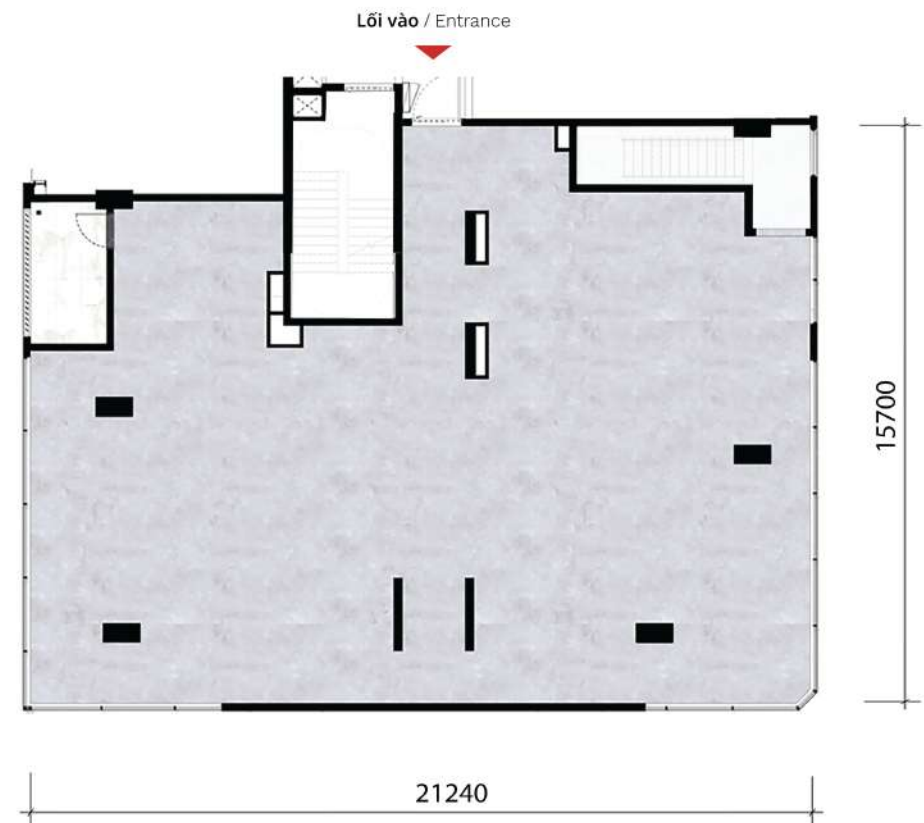
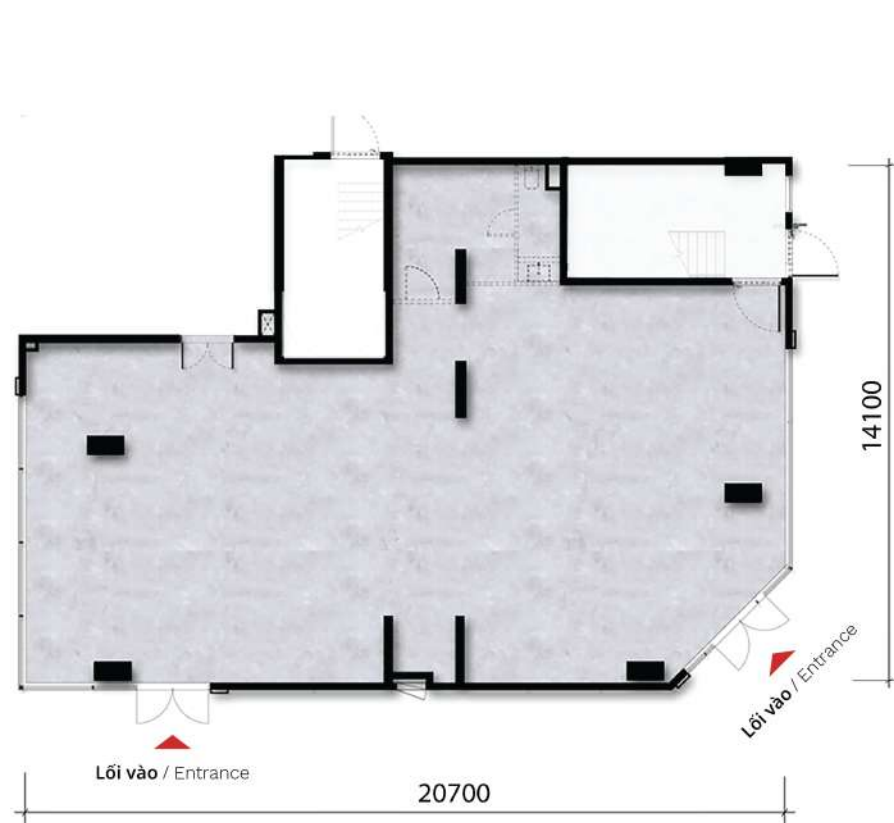
2

Loại căn hộ / Unit type

SH13

Diện tích / Net saleable area

489.9 m<sup>2</sup>





## **BECAMEX TOKYU CO., LTD**

Becamex Tokyu Gallery  
Lô A11, Đường Lý Thái Tổ, Phường Bình Dương,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Becamex Tokyu Gallery  
Lot A11, Ly Thai To Street, Binh Duong Ward,  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Hotline: 0942 119 109  
Email: [marketing@becamex-tokyu.com](mailto:marketing@becamex-tokyu.com)  
Website: [www.midoripark-theten.com](http://www.midoripark-theten.com)

*Ghi chú: Các thông số chi tiết và hình ảnh trong tài liệu chỉ mang tính chất minh họa và có thể thay đổi so với thực tế.  
Chi tiết xin vui lòng tham khảo hợp đồng mua bán.*

Note: Detailed parameters and images in the document are for illustration purposes only and may vary from reality.  
For details, please refer to the sales contract.

@2024 BECAMEX TOKYU CO., LTD

*Không sao chép và chỉnh sửa nội dung, hình ảnh trong cuốn brochure này khi chưa được phép từ Công ty Becamex Tokyu*

Do not copy or edit content or images in this brochure without permission from Becamex Tokyu Company